



CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



Người ký: PHẠM VŨ
BANG
Ký ngày: 02/04/2026
13:49:30



MỤC LỤC

04

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

- 07 THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 08 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 10 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
- 12 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 16 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 18 CÁC RỦI RO

20

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 25 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 34 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 36 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 40 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
- 42 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

46

CHƯƠNG III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 48 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
- 50 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 52 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- 54 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2025
- 55 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- 56 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

58

CHƯƠNG IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 60 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 61 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

63

CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 67 BAN KIỂM SOÁT
- 68 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

72

CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

- 74 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025



CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

- 07 THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 08 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 10 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
- 12 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 16 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 18 CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
- Tên tiếng anh : VINATEX DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0400410498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/08/2005, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 12/02/2026
- Mã cổ phiếu : VDN
- Vốn điều lệ : 32.989.100.000 đồng
- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Số 02 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại : 0236.3827116
- Fax : 0236.3823367
- Website : www.vinatexdn.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



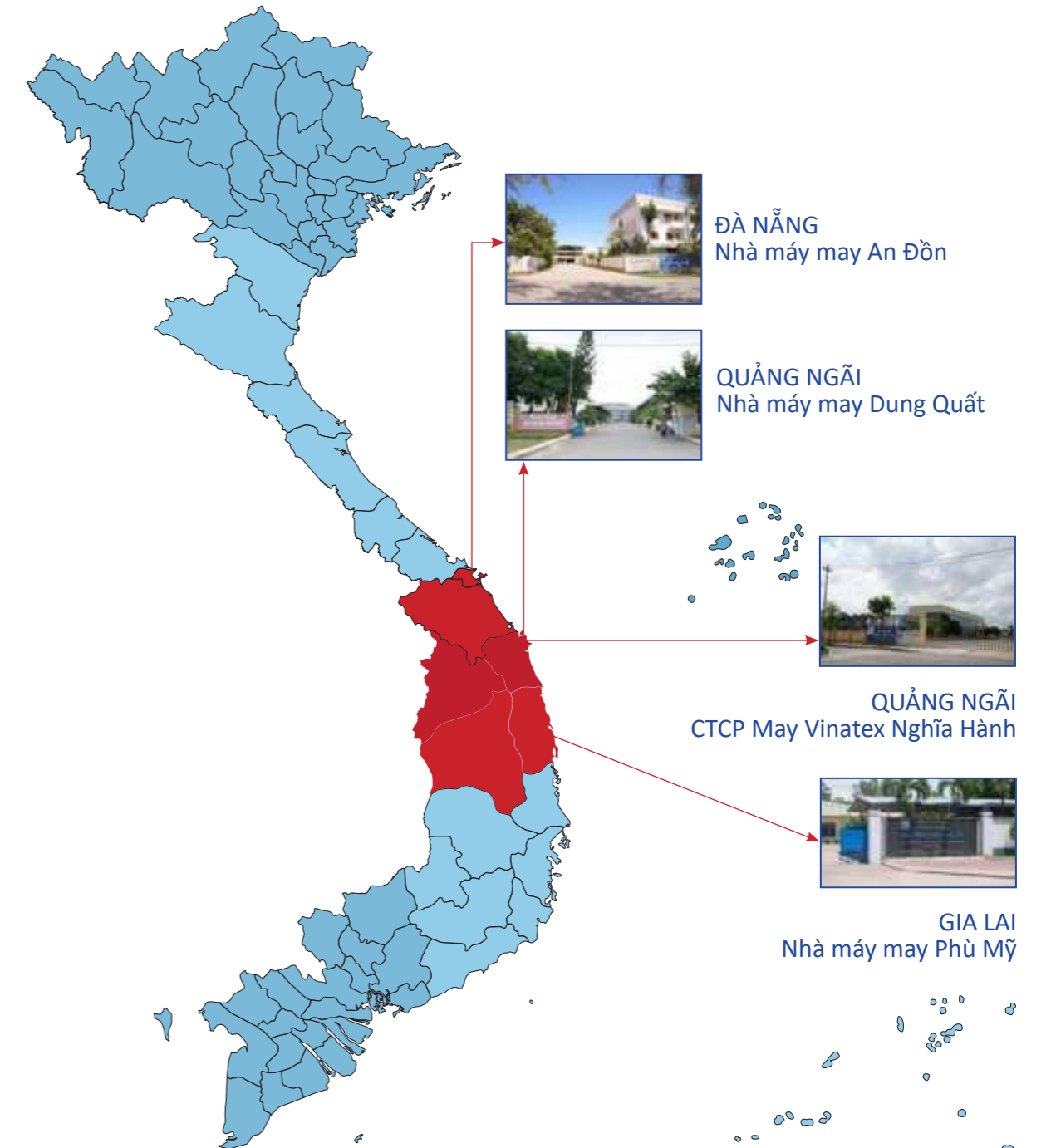
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết : sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len	1322 (Chính)
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
3	Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.	5229
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ	4773
8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý mua bán hàng hóa (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư từ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4610
9	Bán mô tô, xe máy	4541
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết kinh doanh bất động sản (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
13	Khách sạn	5501
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết : Kinh doanh nhà hàng	5601
15	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16	Trồng cây hàng năm khác	0119
17	Trồng cây ăn quả	0121
18	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

Công ty hiện có 03 nhà máy may trực thuộc và 01 công ty con. Hoạt động sản xuất tập trung ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Gia Lai.



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Xuất khẩu chủ yếu qua các thị trường quốc tế như Mỹ, Nhật, Châu Âu.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Trong đó:

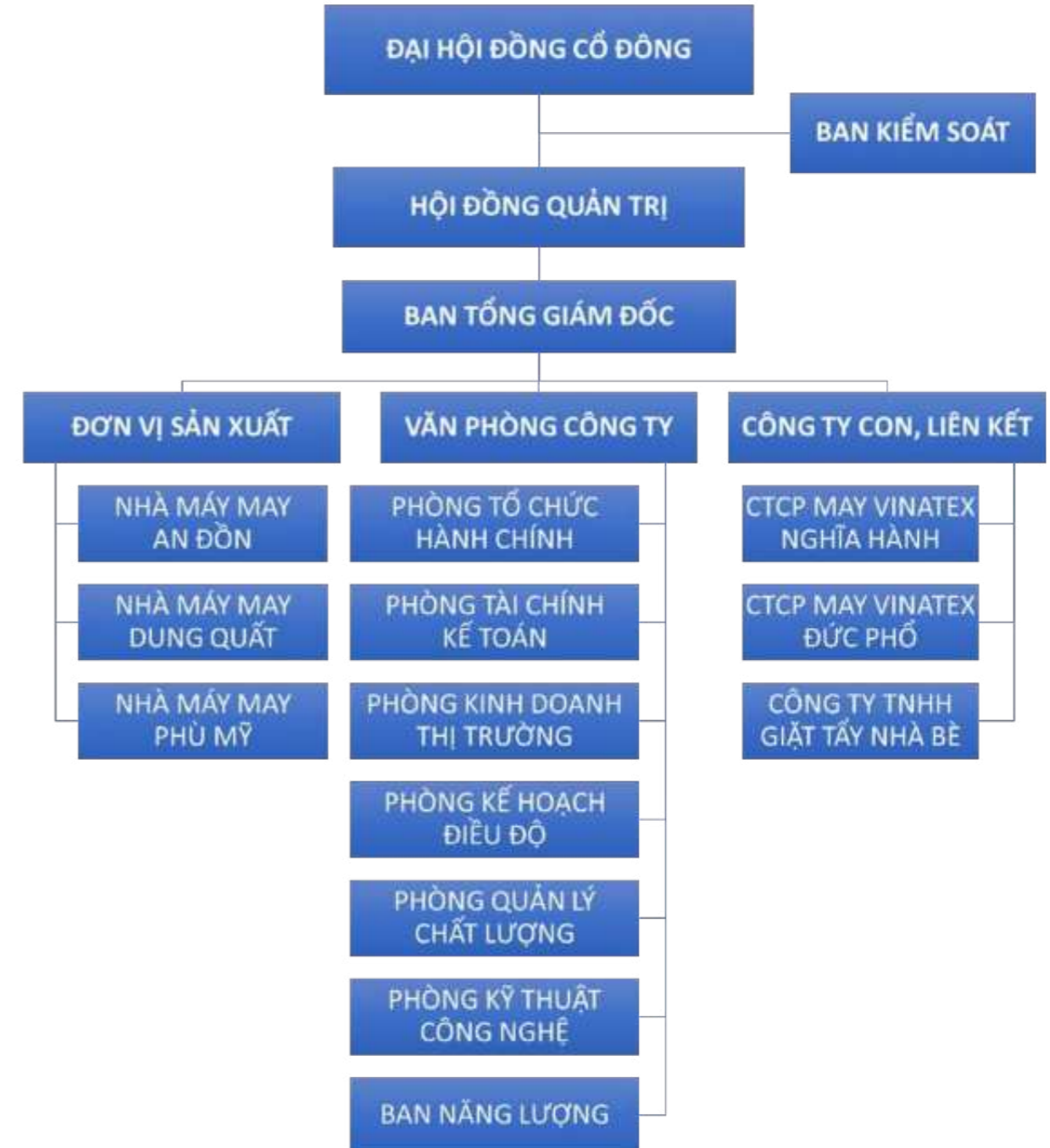
Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty quy định.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Nhà máy may An Điền:

Địa chỉ: Đường số 2, Lô 40-41 Khu công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Quần tây, Áo Jacket

Thị trường chính: Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu



Nhà máy may Dung Quất:

Địa chỉ: Lô L1, Phân khu công nghiệp Sài Gòn – Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Quần tây, Jacket, áo quần trẻ em

Thị trường chính: Mỹ



Nhà máy may Phù Mỹ:

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Xã Phù Mỹ, Tỉnh Gia Lai

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Bảo hộ lao động, Jacket

Thị trường chính: Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu



Công ty con: Công ty Cổ phần May Vinatex Nghĩa Hành

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Dinh, Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 15,8 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 52,67% VĐL)



Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phố Hòa, Tổ dân phố An Thường, Phường Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi.

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 6 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 24% VĐL)

Công ty liên kết:

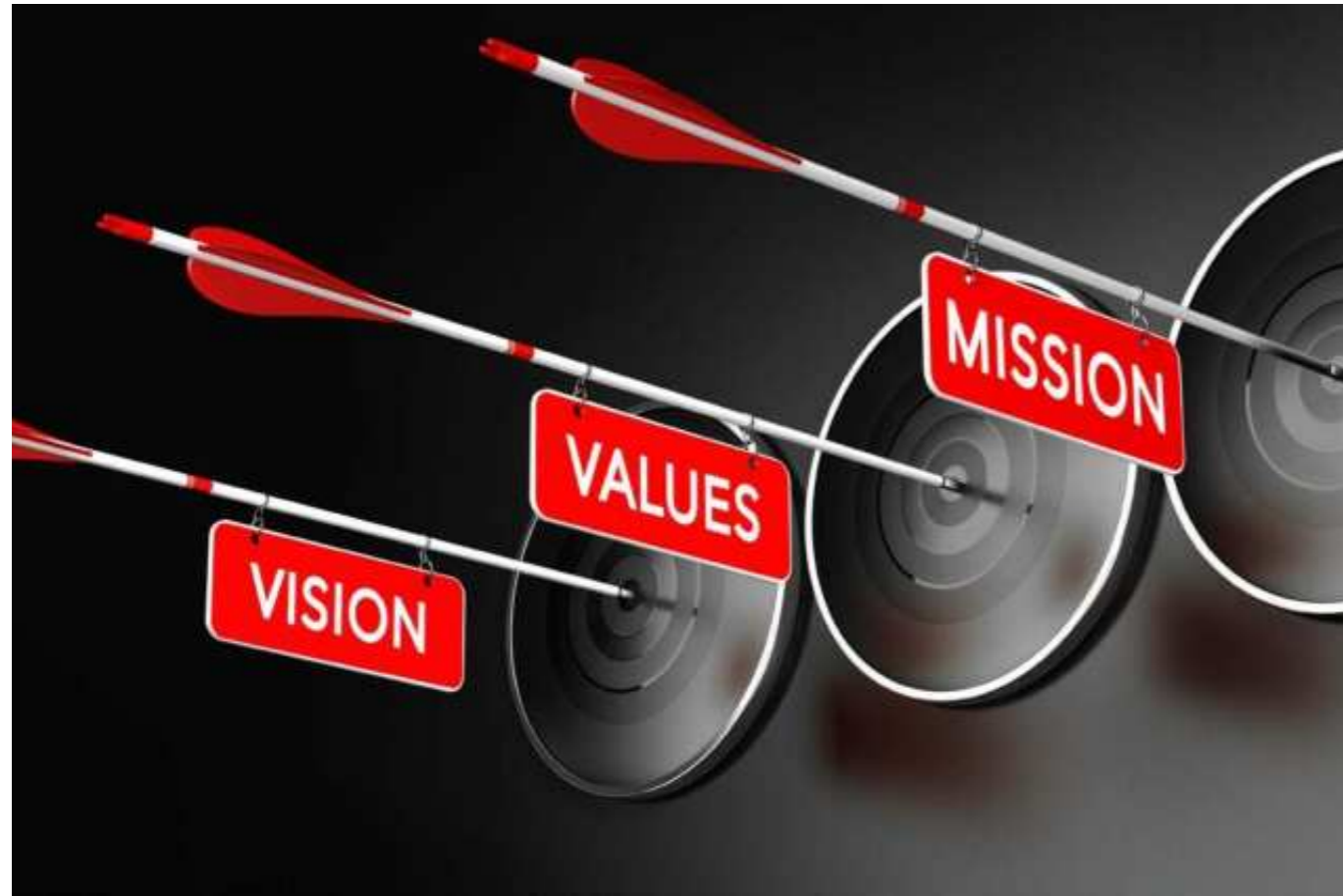
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp

Lĩnh vực SXKD: Tẩy vải, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo

Vốn góp: 9,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 31% VĐL)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Vinatex Đà Nẵng có thể mang những xu hướng thời trang mới nhất đến với người Việt Nam và thế giới với tư cách là nhà cung cấp sản phẩm thời trang công nghệ hàng đầu.

SỨ MỆNH

Vinatex Đà Nẵng mang đến cho khách hàng và người tiêu dùng những sản phẩm thời trang đáng tin cậy cùng dịch vụ chuyên nghiệp, tạo dựng sự tin tưởng khi đồng hành cùng thương hiệu Vinatex Đà Nẵng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Khách hàng là trọng tâm:** Luôn đặt khách hàng lên hàng đầu và cam kết mang đến sản phẩm, dịch vụ tốt nhất.
- **Trách nhiệm xã hội:** Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng bằng cách đóng góp cho xã hội, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.
- **Sáng tạo và chất lượng:** Không ngừng đổi mới để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ độc đáo, chất lượng cao.
- **Trách nhiệm với người lao động:** Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và nhiều cơ hội để người lao động phát triển.
- **Linh hoạt và hiệu quả:** Cung cấp dịch vụ nhanh chóng, chính xác, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng và đối tác.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Nâng cao năng suất lao động bình quân 700 USD/người/tháng, nâng cao tiền lương & thu nhập của người lao động.
- Đẩy mạnh công tác nguồn nhân lực, bồi dưỡng & đào tạo nhân lực, giao việc & hướng dẫn.
- Giữ vững & ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh.
- Nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt hoạt động SXKD của Công ty.
- Đầu tư các thiết bị có tính tự động hóa cao, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong sản xuất có hiệu quả, hạn chế phụ thuộc vào trình độ tay nghề của người lao động.
- Tư duy đột phá, đổi mới sáng tạo không ngừng trong toàn bộ hoạt động SXKD.
- Chăm lo & nâng cao đời sống của người lao động cả về vật chất lẫn tinh thần.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Không ngừng nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Giữ ổn định hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo hài hòa lợi của doanh nghiệp - người lao động - cổ đông & khách hàng.
- Xây dựng môi trường làm việc xanh & an toàn để người lao động an tâm làm việc, cống hiến.
- Tuân thủ các qui định của pháp luật về môi trường.
- Nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Quan tâm đến cộng đồng xã hội, hỗ trợ & giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu vùng xa.



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ



Năm 2025 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế toàn cầu khi thế giới chuyển sang một chu kỳ chính trị và kinh tế mới. Tại Mỹ, sự trở lại của chính quyền Tổng thống Donald Trump với chính sách “America First” đã tạo ra những cú sốc về thuế quan. Việc áp thuế nhập khẩu bổ sung (từ 10% - 20% với hàng hóa nói chung và có thể lên đến 60% với hàng hóa từ Trung Quốc) đã làm thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo ra cả thách thức về chi phí lẫn cơ hội dịch chuyển đơn hàng cho dệt may Việt Nam.

Tại khu vực Eurozone, tăng trưởng vẫn ở mức thấp do chi phí năng lượng và quá trình chuyển đổi xanh gây áp lực lên các nhà sản xuất. Tuy nhiên, tiêu dùng hàng dệt may có sự phân hóa mạnh, tập trung vào các sản phẩm bền vững. Thị trường Nhật Bản dù phục hồi nhẹ nhưng sức mua vẫn bị ảnh hưởng bởi sự biến động của đồng Yên.

Trước bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty xác định rủi ro lớn nhất là sự sụt giảm tổng cầu tại các thị trường trọng điểm do lạm phát tiềm ẩn từ thuế quan. Công ty sẽ linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tập trung vào các đơn hàng có giá trị gia tăng cao và đa dạng hóa tệp khách hàng để giảm thiểu sự phụ thuộc.

RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong năm 2025, rủi ro nhân sự không còn dừng lại ở tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ mà chuyển dịch sang thách thức về kỹ năng xanh. Các thị trường xuất khẩu yêu cầu sự minh bạch về trách nhiệm xã hội và môi trường, đòi hỏi đội ngũ nhân sự không chỉ giỏi tay nghề mà còn phải thích nghi với quy trình sản xuất bền vững và chuyển đổi số.

Công ty tiếp tục duy trì chính sách phúc lợi tốt để giữ chân người lao động trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt tại khu vực miền Trung, đồng thời đẩy mạnh đào tạo nội bộ về tiêu chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ đối tác Mỹ và EU.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Năm 2025, lộ trình cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) diễn ra thận trọng và chậm hơn dự kiến. Do lo ngại các chính sách thuế quan mới của Mỹ sẽ kích thích lạm phát quay trở lại, FED đã duy trì mức lãi suất thực ở ngưỡng cao trong phần lớn thời gian của năm. Điều này gây áp lực trực tiếp lên mặt bằng lãi suất toàn cầu.

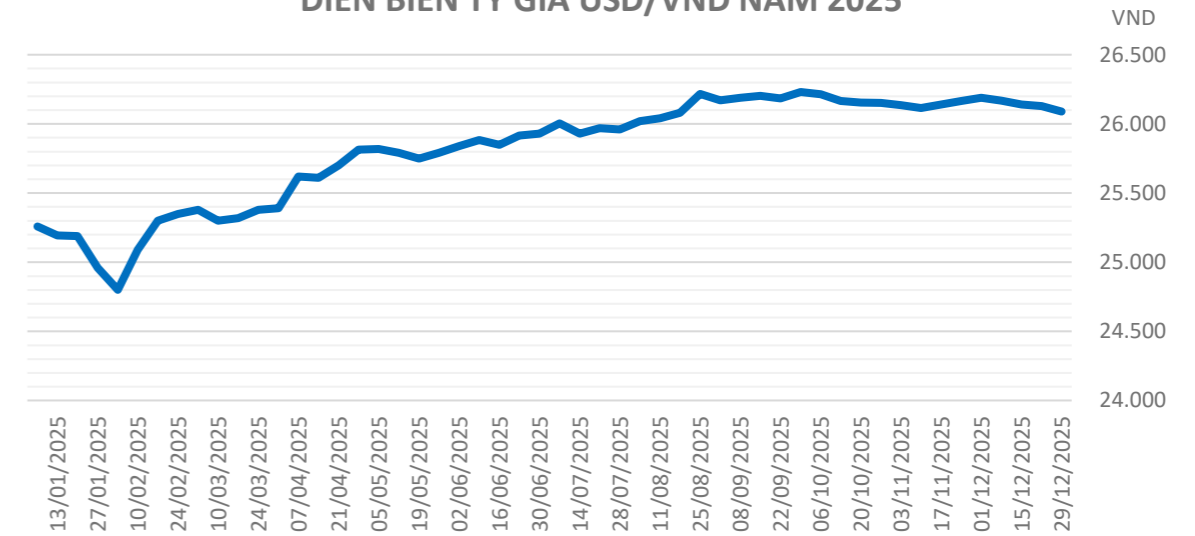
Tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đối mặt với bài toán khó khi phải cân bằng giữa việc giữ lãi suất thấp để hỗ trợ doanh nghiệp và việc thắt chặt để bảo vệ tỷ giá trước sức mạnh của đồng USD.

Là doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho vốn lưu động và máy móc thiết bị, việc lãi suất cho vay có xu hướng nhích tăng vào nửa cuối năm 2025 là một thách thức đối với chi phí tài chính của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro từ lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật thường xuyên tình hình lãi suất, từ đó kịp thời điều chỉnh chiến lược, kế hoạch và lựa chọn nguồn vốn phù hợp với tình hình thực tế nhằm tối ưu hóa dòng tiền.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Năm 2025 chứng kiến sự thống trị của đồng USD mạnh. Dựa trên dữ liệu từ cơ quan hải quan, tỷ giá có sự điều chỉnh rõ rệt khi dao động từ vùng thấp nhất quanh ngưỡng 24.800 VND/USD từ đầu năm và đạt mức đỉnh điểm vượt ngưỡng 26.200 VND/USD vào cuối quý 3. Tính chung cả năm, đồng VND ghi nhận mức mất giá khoảng 3,3% so với giai đoạn đầu năm, tạo ra áp lực kép lên chi phí nhập khẩu nguyên liệu và công tác đánh giá lại các khoản dư nợ gốc ngoại tệ.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND NĂM 2025



Nguồn: <https://www.customs.gov.vn/>

Để đối phó với biến động tỷ giá, Công ty sẽ thường xuyên thực hiện phân tích và đưa ra các chiến lược phòng hộ linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu, chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các văn bản pháp lý như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, các nghị định, thông tư, chính sách quy định riêng cho ngành cho tới các quy định pháp lý quốc tế liên quan đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Năm 2025, rủi ro pháp lý chuyển trọng tâm sang các “Hàng rào xanh”. EU chính thức áp dụng các quy định về Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) và chỉ thị về thẩm định độ bền vững doanh nghiệp (CSDDD). Mỹ cũng gia tăng các vụ điều tra chống trợ cấp và phòng vệ thương mại đối với sản phẩm dệt may có nguồn gốc từ các nước thứ ba. Công ty luôn bám sát các diễn biến pháp lý, phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) để cập nhật các quy định mới về dán nhãn sinh thái, tái chế và quyền lao động, đảm bảo sự tuân thủ tuyệt đối để duy trì “giấy thông hành” vào các thị trường lớn.

Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Vinatex Đà Nẵng phải tuân thủ thêm các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan. Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng theo dõi và cập nhật các quy định pháp lý mới, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt và điều chỉnh chiến lược quản trị phù hợp.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro khó lường, như thiên tai, lũ lụt hay dịch bệnh, những yếu tố không thể dự đoán trước và có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng. Những rủi ro này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty mà còn có thể tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ những sự kiện bất ngờ, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, bao gồm việc mua bảo hiểm cho người lao động, tài sản và hàng hóa, cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn an toàn theo quy định. Những biện pháp này giúp Công ty chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro, bảo vệ tài sản và nguồn lực quan trọng, từ đó đảm bảo sự ổn định và liên tục của hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 25 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 34 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 36 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 40 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
- 42 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DỆT MAY NĂM 2025



Năm 2025 khép lại với một bức tranh đan xen giữa đà phục hồi sau khủng hoảng và những cú sốc mới từ địa chính trị cũng như chính sách thương mại toàn cầu. Khác với sự trầm lắng của đầu năm 2024, năm 2025 ghi nhận nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc khởi sắc hơn khi lượng hàng tồn kho tại các thị trường lớn đã được giải phóng về mức an toàn. Tuy nhiên, ngành dệt may toàn cầu phải đối mặt với thách thức lớn từ sự đứt gãy chuỗi cung ứng logistics do căng thẳng leo thang tại Biển Đỏ và khu vực Trung Đông, đẩy chi phí vận tải biển duy trì ở mức cao. Tại Việt Nam, bức tranh kinh tế vĩ mô rực sáng với mức tăng trưởng GDP duy trì đà tích cực và kim ngạch xuất nhập khẩu bứt phá, tạo bệ phóng vững chắc cho các ngành sản xuất trọng điểm. Đối với ngành dệt may, yếu tố tỷ giá với việc đồng VND mất giá khoảng 3,3% so với USD trong năm 2025 tiếp tục là một lợi thế ngắn hạn, giúp cải thiện biên lợi nhuận quy đổi, dù đồng thời cũng gia tăng áp lực lên chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu.

Sự chuyển dịch chính sách tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm là điểm nhấn đáng chú ý nhất trong năm 2025. Tại thị trường Mỹ, việc chính quyền mới tái đắc cử và bắt đầu thực thi các rào cản thuế quan cứng rắn (chính sách “Nước Mỹ trên hết”) đã tạo ra một làn sóng dịch chuyển đơn hàng mạnh mẽ khỏi Trung Quốc. Dệt may Việt Nam được hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng “Trung Quốc + 1” này. Dù vậy, các rào cản khắt khe từ Đạo luật ngăn chặn lao động cưỡng bức (UFLPA) đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam phải minh bạch tuyệt đối về nguồn gốc xơ sợi. Tại thị trường EU, quá trình phục hồi diễn ra chậm chạp hơn nhưng đi kèm với yêu cầu bắt buộc về chuyển đổi xanh. Các tiêu chuẩn như Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) và Chỉ thị thẩm định tính bền vững (CSDDD) đã chính thức trở thành “giấy thông hành” khắt khe. Trong khi đó, thị trường Nhật Bản cho thấy sự ổn định hơn khi nền kinh tế dần thích nghi với các chính sách tiền tệ mới, tạo dòng đơn hàng đều đặn cho các doanh nghiệp gia công truyền thống.

Trên bản đồ cạnh tranh quốc tế, năm 2025 chứng kiến sự tái lập trật tự của các quốc gia xuất khẩu. Nếu như nửa cuối năm 2024, Việt Nam hưởng lợi nhờ sự bất ổn chính trị tại Bangladesh, thì bước sang năm 2025, quốc gia Nam Á này đã ổn định trở lại và tung ra các chính sách cạnh tranh giá bán vô cùng quyết liệt để giành lại thị phần. Đồng thời, Trung Quốc – với vị thế công xưởng thế giới – cũng đã nhanh chóng thiết lập các chuỗi cung ứng vệ tinh để lách các rào cản thuế quan từ Mỹ và EU, duy trì sức ép lớn lên các doanh nghiệp Việt Nam ở phân khúc hàng phổ thông.

Nhìn về trung và dài hạn, chu kỳ nói lỏng chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trong năm 2025 đã phần nào xoa dịu áp lực lạm phát, giúp niềm tin người tiêu dùng tại Mỹ, EU và ASEAN dần được củng cố. Tình hình đơn hàng dự báo sẽ tiếp tục dồi dào, nhưng luật chơi đã thay đổi, các nhãn hàng không chỉ yêu cầu về giá và thời gian giao hàng, mà còn đặt tiêu chuẩn xanh, tính bền vững và khả năng truy xuất nguồn gốc lên hàng đầu. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội vàng để dệt may Việt Nam thoát khỏi bẫy gia công giá rẻ, tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu trong giai đoạn 2026 và các năm tiếp theo.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM



BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	%THAY ĐỔI
1	Doanh thu	706.632.262.457	789.861.303.996	+11,78%
2	Giá vốn hàng bán	651.170.543.771	709.939.538.897	+9,03%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.738.996.369	14.730.573.590	+293,97%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.424.077.895	12.365.757.819	+410,12%

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	%THAY ĐỔI
1	Doanh thu	654.429.484.840	700.379.750.327	+7,02%
2	Giá vốn hàng bán	604.530.946.703	634.892.573.661	+5,02%
3	Lợi nhuận trước thuế	10.627.984.039	13.356.957.107	+25,68%
4	Lợi nhuận sau thuế	8.970.203.497	10.816.904.934	+20,59%

Năm 2025 đánh dấu một bước nhảy vọt ấn tượng về hiệu quả hoạt động của hệ thống Vinatex Đà Nẵng, đặc biệt được thể hiện rõ nét qua Báo cáo tài chính hợp nhất. Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt gần 789,9 tỷ đồng, tăng 11,78% so với cùng kỳ, biên lợi nhuận được cải thiện cực kỳ mạnh mẽ giúp lợi nhuận sau thuế bứt phá đạt mức hơn 12,3 tỷ đồng (tương ứng mức tăng trưởng 410,12% so với năm 2024). Sự bứt phá này không chỉ đến từ sự khởi sắc chung của toàn hệ thống mà còn có nền tảng vững chắc từ Công ty mẹ. Đóng vai trò trụ cột, Công ty mẹ duy trì đà tăng trưởng ổn định với doanh thu đạt 700,3 tỷ đồng (tăng 7,02%) và lợi nhuận sau thuế đạt 10,8 tỷ đồng (tăng 20,59%). Điểm sáng cốt lõi trong bức tranh tài chính năm nay là tốc độ tăng trưởng của giá vốn hàng bán ở cả cấp độ hợp nhất (9,03%) và công ty mẹ (5,02%) đều được kiểm soát ở mức thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng doanh thu, cho thấy Công ty có sự dịch chuyển tốt sang các đơn hàng có giá trị gia tăng cao hơn và tối ưu hóa khâu sản xuất.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

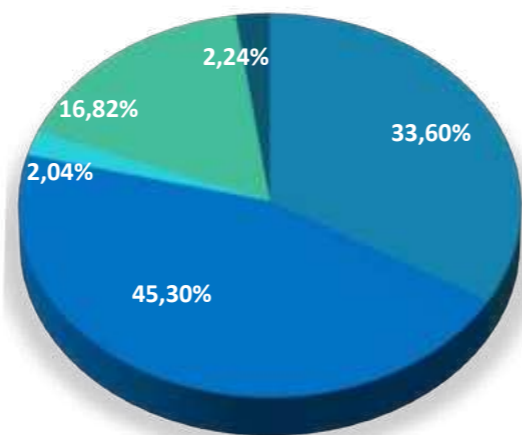


BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	%THAY ĐỔI
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.821.408.831	257.890.165.818	-1,88%
2	Chi phí nhân công	304.073.994.954	347.668.163.834	+14,34%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.938.320.967	15.619.474.908	+4,56%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.914.637.028	129.097.771.169	+45,19%
5	Chi phí khác bằng tiền	16.832.501.988	17.211.759.973	+2,25%
	Tổng cộng	687.580.863.768	767.487.335.702	+11,62%

Động lực chính tạo nên biên lợi nhuận đột biến nói trên xuất phát từ chiến lược quản trị chi phí sản xuất kinh doanh linh hoạt và hiệu quả. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất tăng 11,62% (tương đương với đà tăng doanh thu), nhưng cơ cấu chi phí đã có sự chuyển dịch rõ rệt. Đáng chú ý nhất là chi phí nguyên liệu, vật liệu lại ghi nhận mức giảm 1,88% (xuống còn 257,8 tỷ đồng) bất chấp sản lượng và doanh thu tăng cao, phản ánh năng lực đàm phán mua hàng tốt và việc kiểm soát tỷ lệ hao hụt nguyên liệu của nhà máy có sự cải thiện. Song song đó, Công ty chủ động gia tăng 14,34% ngân sách cho chi phí nhân công (đạt hơn 347,6 tỷ đồng) nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động và đáp ứng tiến độ các đơn hàng chất lượng cao. Việc chi phí dịch vụ mua ngoài tăng vọt 45,19% (lên 129 tỷ đồng) cũng phản ánh rõ bối cảnh Công ty phải gia tăng sử dụng các dịch vụ logistics, vận tải quốc tế trong giai đoạn cước tàu biển leo thang, cũng như gia tăng thuê ngoài gia công ở một số công đoạn để kịp thời đáp ứng sự bùng nổ của các đơn hàng trong thời gian giao hàng ngắn.

Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2025



- Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	-	-
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	-	-
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	-	-
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	50.000	1,52%
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.400	0,77%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Phú Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 27/09/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 05/1997 – 08/1999: Cán bộ Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 09/1999 – 09/2001: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 10/2001 – 08/2003: Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 09/2003 – 04/2004: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 04/2004 – 03/2007: Giám đốc điều hành – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 08/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 05/2010 – 12/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 01/2017 – nay: Chủ tịch HĐQT – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 01/2014 – nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP Vinatex Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT TCT May Nhà Bè - CTCP

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Thúc Dung - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 26/09/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 2004: Nhân viên tại Công ty Indochina Group
- Từ 2004 – 2014: Trưởng Đại diện tại Văn phòng đại diện Motives (Far East) tại TP. HCM
- Từ 2004 – 09/2016: Chủ tịch HĐQT – CTCP Động Lực Việt Nam
- Từ 2016 – nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP 4M
- Từ 11/2023 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – CTCP 4M

Ông Nguyễn Xuân Đông - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 13/11/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 10/2007 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Len Hà Đông
- Từ 04/2018 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2018 – nay: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 06/2021 – nay: Thành viên HĐQT – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Len Hà Đông
- Thành viên HĐQT – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Thành viên HĐQT – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/01/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 04/1994 – 09/1997: Nhân viên kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/1997 – 12/2001: Phó Trưởng Phòng Kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 01/2002 – 03/2002: Giám đốc Xí nghiệp May 2 – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 04/2002 – 01/2008: Trưởng phòng kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 02/2008 – 09/2008: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 09/2008 – 09/2009: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/2009 – 04/2011: Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 04/2011 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 03/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP May Vinatex Đức Phổ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP May Vinatex Đức Phổ

Ông Đặng Trọng Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/11/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kỹ thuật may

Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 1994: Nhân viên Kỹ thuật may – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 1996 – 2000: Trưởng ca sản xuất – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2001 – 2005: Phó Giám đốc Kỹ thuật Xí nghiệp 1 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2006 – 2009: Giám đốc Xí nghiệp 1 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2009 – 2010: Giám đốc khu 3 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2011 – 2013: Trưởng Văn phòng Đại diện – Công ty TNHH Sumikin - Nhật Bản
- Từ 2014 – 2015: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 07/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP May Vinatex Nghĩa Hành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP May Vinatex Nghĩa Hành

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	35.690	1,08%
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Huỳnh Tấn Long - Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 13/08/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2002: Nhân viên XNK
- Từ 2003 – 2006: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế
- Từ 2006 – 2018: Nhân viên tại Văn phòng đại diện Công ty MOTIVES (Far East) Ltd
- Từ 2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2019 – nay: Tổng Giám đốc tại Công ty CP Động Lực Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc CTCP Động Lực Việt Nam

Ông Lương Chương - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 01/10/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 10/1994 – 12/1996: Nhân viên kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 01/1997 – 05/2001: Trưởng Phòng Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 06/2001 – 04/2010: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2010 – 05/2015: Trưởng Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không



Ông Nguyễn Thăng Long - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 23/12/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2004 – 2007: Nhân viên kế toán – Viện Nghiên cứu Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp
- Từ 2008 – 2015: Chuyên viên, Thành viên BKS – Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
- Từ 2015 – 2017: Kiểm soát viên nội bộ – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
- Từ 2017 – nay: Chuyên viên – Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Từ 06/2020 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	50.000	1,59%
2	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.400	0,81%
3	Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	34.755	1,11%
4	Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	19.000	0,60%
5	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	16.100	0,51%
6	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	24.090	0,77%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

Không có

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

* Đã trình bày ở phần SYLL thành viên HĐQT

Ông Đặng Trọng Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

* Đã trình bày ở phần SYLL thành viên HĐQT

Ông Văn Hữu Thành – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/01/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1985 – 1986: Cán bộ tại Trọng tài kinh tế tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 1987 – 1988: Cán bộ Kế toán tại Xí nghiệp thâm thù Bình Trị Thiên
- Từ 1989 – 2002: Kế toán trưởng tại Công ty May Xuất khẩu Thừa Thiên Huế
- Từ 2002 – 2004: Giám đốc Xí nghiệp May 2A, Xí nghiệp May 2B – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2005 – 2009: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Dung Quất, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2009 – nay: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Phạm Vũ Bằng – Giám đốc điều hành

Ngày sinh: 20/05/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 2006: Nhân viên Kế toán tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2006 – 2007: Phó Giám đốc Nhà máy may Nam Phước – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2007 – 2010: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2011 – 2012: Phó Giám đốc Nhà máy may Thanh Sơn – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2012 – 2013: Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – 2020: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2020 – nay: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Thành An – Giám đốc điều hành

Ngày sinh: 06/08/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2004: Nhân viên tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2005 – 2011: Phụ trách Kế hoạch tại Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2011 – 2014: Phó Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – 2016: Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2016 – 2019: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2019 – 2022: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Dung Quất – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2022 – nay: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Lê Đình Bích Hợp – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 11/07/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 1998: Phụ trách kế toán – Công ty TNHH Việt Á
- Từ 1998 – 2003: Nhân viên Kế toán – Công ty Ứng dụng KHKT & CGCN Mới – Trung tâm KHTN & CNQG
- Từ 2003 – 2006: Nhân viên Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2006 – 2014: Phó Phòng Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – nay: Kế toán trưởng – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
A	Theo trình độ	1.793	100,00%
1	Trên Đại học, Đại học, Cao đẳng	161	8,98%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	63	3,51%
3	Lao động phổ thông	1.569	87,51%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.793	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	597	33,30%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.196	66,70%
C	Theo giới tính	1.793	100,00%
1	Nam	349	19,46%
2	Nữ	1.444	80,54%



THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	2.114	2.122	2.102	1.791	1.793
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.648.000	8.676.000	8.606.000	9.359.000	10.236.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về Đào tạo

Vinatex Đà Nẵng xác định con người là trụ cột của mọi sự phát triển, từ đó thiết lập lộ trình bồi dưỡng toàn diện cho đội ngũ. Nhân sự mới luôn nhận được sự đồng hành, hướng dẫn trực tiếp từ các chuyên gia tại bộ phận để nhanh chóng bắt nhịp với quy trình vận hành thực tế. Công ty chú trọng chuẩn hóa kỹ năng sản xuất cho lao động phổ thông qua các khóa đào tạo nghề chuyên biệt, đồng thời tối ưu hóa thể mạnh của nhân sự kinh nghiệm bằng việc bố trí công việc theo đúng sở trường. Đặc biệt, chiến lược phát triển cán bộ nguồn được thực hiện bài bản, tập trung vào hai mũi nhọn: quản lý điều hành và kỹ thuật công nghệ, sẵn sàng đáp ứng các vị trí chủ chốt. Mọi chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ đều được Công ty tài trợ toàn phần, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc phát triển trí tuệ tập thể mà không tạo áp lực tài chính cho nhân viên.



Về Môi trường làm việc

Vinatex Đà Nẵng kiên trì xây dựng không gian làm việc chuyên nghiệp và nhân văn. Hệ thống quy trình phối hợp giữa các phòng ban được chuẩn hóa rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi nhất để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực sáng tạo và nhận được sự ghi nhận tương xứng với đóng góp thực tế. Công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường luôn được đặt lên hàng đầu thông qua việc giám sát chặt chẽ và kiểm tra định kỳ tại mọi khu vực sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các diễn đàn đối thoại và hoạt động văn hóa nội bộ nhằm bồi đắp tinh thần đoàn kết, tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên, từ đó kiến tạo một tập thể vững mạnh và cùng hướng tới những mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Về lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách đãi ngộ của Vinatex Đà Nẵng được thiết kế dựa trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật và gia tăng lợi ích cho người lao động. Ban lãnh đạo thường xuyên rà soát, cải tiến hệ thống tiền lương và phúc lợi nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, đồng thời tạo đòn bẩy thu hút nhân tài phục vụ hoạt động xuất khẩu kinh doanh.

Công ty đặc biệt chú trọng các cơ chế khen thưởng đột xuất và định kỳ dành cho những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoặc sở hữu các sáng kiến kỹ thuật giúp tối ưu hóa sản xuất. Ngược lại, các quy định về kỷ luật được duy trì nghiêm túc đối với những hành vi gây ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích chung, đảm bảo sự công bằng và giữ vững hình ảnh chuyên nghiệp của Công ty đối với các đối tác quốc tế.

Trong năm 2025, Công ty đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, với thu nhập bình quân đạt hơn 10,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,37% so với năm 2024.

Về Tuyển dụng

Với tâm thế đồng hành cùng sự thịnh vượng của địa phương, Vinatex Đà Nẵng ưu tiên tạo lập cơ hội nghề nghiệp cho nguồn lao động tại các khu vực lân cận trụ sở và nhà máy sản xuất. Đối với phân khúc nhân sự quản lý và chuyên gia, Công ty áp dụng cơ chế thu hút nhân tài cạnh tranh để chiêu mộ những ứng viên ưu tú, có trình độ cao và khát vọng gắn bó lâu dài. Song song đó, quy trình tuyển dụng lao động trực tiếp được duy trì thường xuyên trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, cho phép mọi ứng viên tự tin thể hiện năng lực qua giai đoạn thử việc và đào tạo bài bản. Sau quá trình đánh giá khách quan, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động phù hợp, kiến tạo một môi trường làm việc ổn định, bình đẳng và chuyên nghiệp cho mọi thành viên.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Năm 2025, Dự án Mở rộng Nhà máy may Phù Mỹ có tổng mức đầu tư dự toán hơn 35 tỷ đồng đi vào giai đoạn thi công diện rộng, dự kiến Dự án sẽ hoàn thành trong năm 2026. Việc mở rộng tập trung vào kho nguyên phụ liệu nhằm đảm bảo đủ diện tích lưu trữ, đồng bộ với năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu công suất hoạt động tối đa của Nhà máy may Phù Mỹ.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày: 31/12/2025

TÊN CÔNG TY	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ VỐN	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
CTCP May Vinatex Nghĩa Hành	Đang hoạt động	52,67%	15.800.000.000	15.800.000.000
CTCP May Vinatex Đức Phổ	Đang hoạt động	24%	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Đang hoạt động	31%	9.300.000.000	9.300.000.000

Công ty con:

Công ty Cổ phần May Vinatex Nghĩa Hành

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 15,8 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 52,67% VDL)

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phố Hòa, Tổ dân phố An Thường, Phường Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 6 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 24% VDL)

Công ty liên kết:

Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp

Lĩnh vực SXKD chính: Tẩy vải, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo

Vốn góp: 9,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 31% VDL)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	%THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản (Tại ngày 31/12)	470.162.266.482	475.418.433.923	+1,12%
2	Doanh thu thuần	706.632.262.457	789.861.303.996	+11,78%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-474.402.682	15.007.325.170	-
4	Lợi nhuận khác	4.213.399.051	-276.751.580	-
5	Lợi nhuận trước thuế	3.738.996.369	14.730.573.590	+293,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.424.077.895	12.365.757.819	+410,12%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	*20%	-

(*): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 20% bằng tiền mặt theo kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 và sẽ trình phương án chi trả cổ tức tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,89	0,88
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,85	0,84
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,67	5,35
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,55	6,47
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,59	1,67
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,34	1,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	3,38	17,02
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	0,54	2,62
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,07	1,90

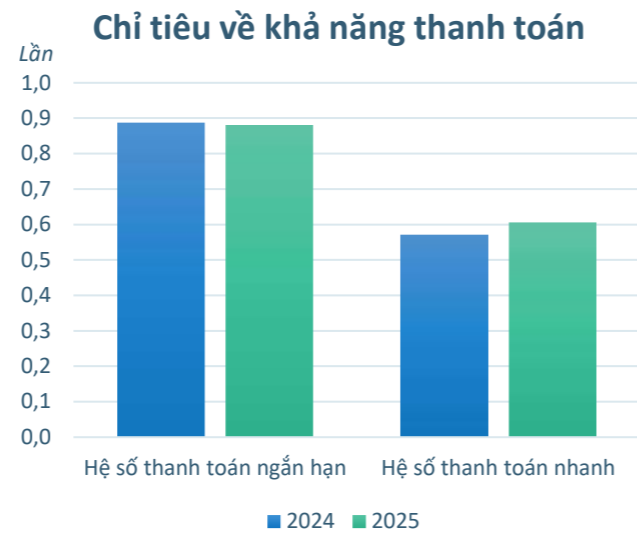
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

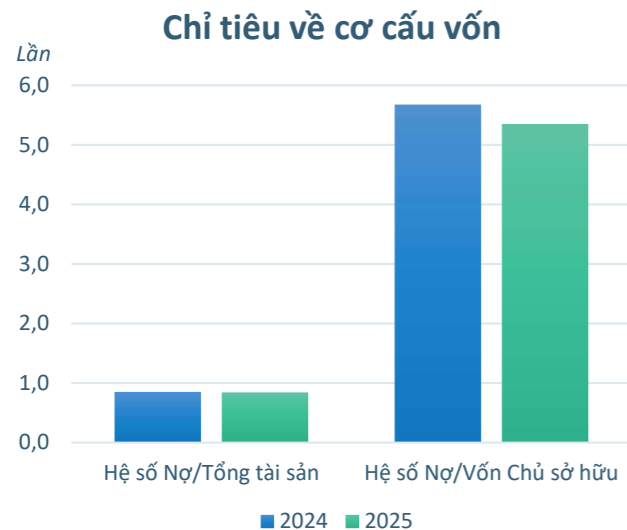


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, năng lực đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn của Công ty được duy trì ở mức ổn định với những chuyển biến tích cực về chất lượng thanh khoản. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn gần như đi ngang (giảm nhẹ từ 0,89 lần xuống 0,88 lần), phản ánh quy mô tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn duy trì tỷ lệ tương đương năm trước. Điểm sáng đáng chú ý nằm ở hệ số thanh toán nhanh khi chỉ số này cải thiện từ 0,57 lần lên 0,61 lần. Sự gia tăng này minh chứng cho việc tính thanh khoản của Công ty đã tốt hơn, giảm bớt sự phụ thuộc vào việc thanh lý hàng tồn kho để trả nợ. Nguồn tiền mặt và các khoản phải thu luân chuyển tích cực hơn đã giúp doanh nghiệp gia tăng bộ đệm an toàn trước các áp lực thanh toán trong ngắn hạn.



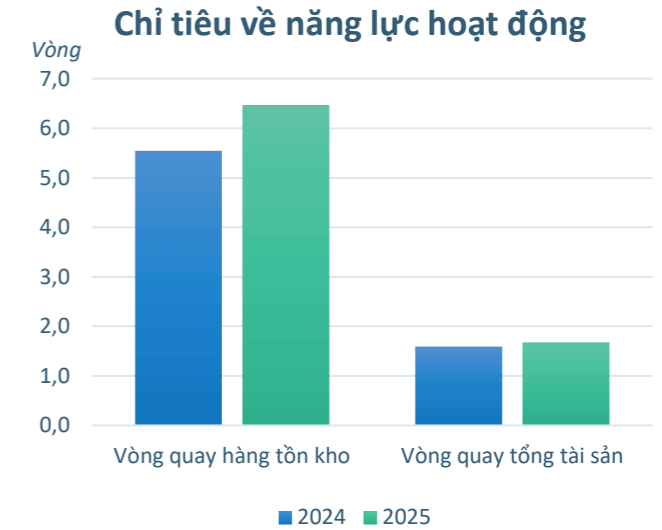
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



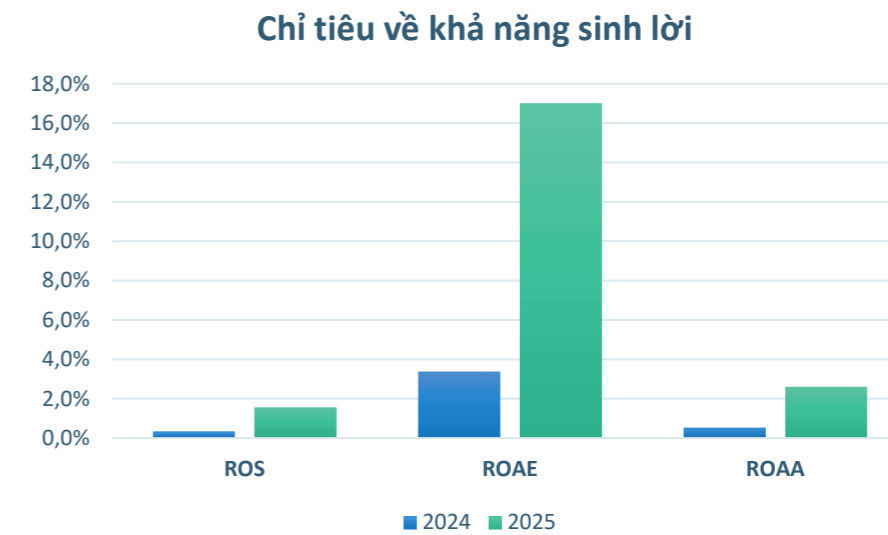
Cơ cấu nguồn vốn của Công ty đang có sự dịch chuyển theo hướng an toàn và bền vững hơn, giảm dần mức độ phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính. Hệ số Nợ trên Tổng tài sản giảm nhẹ từ mức 0,85 lần xuống 0,84 lần, trong khi Hệ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu ghi nhận mức giảm rõ rệt hơn, từ 5,67 lần (năm 2024) xuống còn 5,35 lần (năm 2025). Mặc dù đặc thù của ngành công nghiệp sản xuất đòi hỏi mức thâm dụng vốn cao dẫn đến tỷ trọng nợ vay lớn, nhưng việc các hệ số này đồng loạt giảm cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt rủi ro tài chính. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc Công ty tích lũy được nguồn lợi nhuận giữ lại dồi dào trong năm 2025, qua đó làm gia tăng quy mô Vốn chủ sở hữu và tự chủ được nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, vận hành thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào vốn vay bên ngoài.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2025 đánh dấu bước tiến lớn trong hiệu quả quản trị tài sản và tối ưu hóa vận hành của Công ty. Vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 5,55 vòng lên 6,47 vòng, khẳng định công tác quản trị chuỗi cung ứng, từ khâu nhập nguyên liệu đến xuất bán thành phẩm, đã được kiểm soát cực kỳ hiệu quả, giảm thiểu tình trạng ứ đọng vốn tại kho bãi. Song song đó, Vòng quay tổng tài sản nhích lên mức 1,67 vòng (so với 1,59 vòng của năm 2024), cho thấy cứ mỗi đồng tài sản đầu tư đang tạo ra nhiều doanh thu hơn so với năm trước. Sự bứt phá của các chỉ số này hoàn toàn khớp với việc doanh thu thuần năm 2025 tăng trưởng ấn tượng (11,78%) trong khi quy mô tổng tài sản chỉ tăng nhẹ (1,12%), phản ánh hiệu suất khai thác tài sản hiện hữu của hệ thống nhà máy đang ở mức tối ưu.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Đây là nhóm chỉ tiêu ghi nhận sự bứt phá rực rỡ nhất trong bức tranh tài chính năm 2025, phản ánh thành quả của các nỗ lực tái cơ cấu và kiểm soát chi phí. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng vọt từ 0,34% lên 1,57%, cùng với đó là tỷ lệ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi trên Doanh thu đảo chiều từ mức âm (-0,07%) sang dương (1,90%), khẳng định lợi nhuận cốt lõi của doanh nghiệp đã phục hồi mạnh mẽ và không còn dựa dẫm vào các khoản thu nhập khác. Quan trọng hơn cả, Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đã đạt mức 17,02%, cao gấp hơn 5 lần năm 2024 (3,38%), mang lại hiệu quả sinh lời vượt trội cho các cổ đông. Tương tự, Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROAA) cũng tăng gần 5 lần từ 0,54% lên 2,62%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ	:	32.989.100.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	3.298.910 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng
Cổ phiếu phổ thông	:	3.298.910 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	3.286.730 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	12.180 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	:	156.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	3.142.910 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo Danh sách cổ đông gần nhất chốt tại ngày 14/01/2026:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	201	3.285.710	99,60%
1	Cá nhân	198	1.421.920	43,10%
2	Tổ chức	3	1.863.790	56,50%
II	Cổ đông nước ngoài	2	400	0,01%
1	Cá nhân	2	400	0,01%
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	12.800	0,39%
	Tổng cộng	203	3.298.910	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông lớn (tính tại ngày 14/01/2026):

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam*	900.000	27,28%
2	Công ty Cổ phần 4M	717.865	21,76%
3	Ông Lê Thúc Đức	489.910	14,85%
4	Công ty Cổ phần Len Hà Đông	245.925	7,45%
5	Bà Trần Linh Trang	245.925	7,45%
	TỔNG CỘNG	2.599.625	78,80%

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 02 đại diện vốn tại Công ty là:

- Ông Phạm Phú Cường - Chủ tịch HĐQT: Đại diện 570.109 cổ phiếu (17,28%)
- Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đại diện 329.891 cổ phiếu (10%)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi thay đổi	Thay đổi vốn	Vốn điều lệ sau khi thay đổi	Phương thức
2005				Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 142/2004/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp với Vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.
2006	10.000.000.000	+10.000.000.000	20.000.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên 850.000 cổ phiếu với giá 11.000 đồng/cp. Bán cho đối tác chiến lược 150.000 cổ phiếu với giá 15.000 đồng/cp.
2016	20.000.000.000	+9.939.100.000	29.939.100.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
2023	29.939.100.000	+1.490.000.000	31.429.100.000	Phát hành cổ phiếu cho người lao động
2024	31.429.100.000	+1.560.000.000	32.989.100.000	Phát hành cổ phiếu cho người lao động

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG



Năm 2025, trước yêu cầu ngày càng khắt khe của các khách hàng tại thị trường Mỹ và châu Âu về chuỗi cung ứng xanh, Vinatex Đà Nẵng đã bắt đầu triển khai các bước cơ bản để chuẩn hóa dữ liệu môi trường. Công ty đang từng bước áp dụng và thu thập dữ liệu phục vụ cho các tiêu chuẩn đánh giá môi trường tại nhà máy như chỉ số Higg FEM (Higg Facility Environmental Module). Trong đó, trọng tâm hiện tại là đảm bảo 100% hệ thống xử lý khí thải lò hơi hoạt động đúng công suất, đáp ứng hoàn toàn các quy chuẩn quan trắc môi trường trong nước trước khi xả thải. Về lộ trình giảm phát thải khí nhà kính, Công ty đã chuyển hoàn toàn từ nồi hơi đốt than sang các loại chất đốt khác ít phát thải hơn như lò hơi điện, củi trấu (biomass), lò hơi đốt dầu, đồng thời tăng cường độ phủ của hệ thống cây xanh tại khuôn viên nhà máy nhằm cải thiện vi khí hậu và giảm thiểu bụi công nghiệp.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Với mô hình gia công hàng may mặc theo đơn đặt hàng, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu do khách hàng chỉ định và cung cấp. Do đó, mục tiêu cốt lõi của Vinatex Đà Nẵng trong quản trị nguyên liệu là tuân thủ nghiêm ngặt định mức đã thỏa thuận và giảm thiểu tỷ lệ hao hụt. Công ty tập trung tối ưu hóa từ khâu giác sơ đồ, cắt truyền thống kết hợp tự động hóa để hạn chế tối đa vải vụn. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu của các nhãn hàng về truy xuất nguồn gốc, Công ty cam kết lưu trữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến quá trình tiếp nhận, lưu kho và đưa vào sản xuất đối với các nguyên liệu bền vững hoặc nguyên liệu tái chế khi có yêu cầu kiểm định từ phía đối tác.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện, than, dầu diesel để chạy các thiết bị trong quá trình tổ chức sản xuất; các nồi hơi đảm bảo xử lý khí thải theo đúng quy định. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ cho từng loại năng lượng là:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025
Điện	kWh	2.944.929
Củi trấu	Kg	789.860



Tiêu thụ năng lượng là một trong những chỉ tiêu trọng yếu được Công ty giám sát chặt chẽ nhằm vừa tối ưu chi phí, vừa cung cấp dữ liệu minh bạch cho các báo cáo phát triển bền vững của khách hàng. Công ty chủ yếu sử dụng điện lưới cho sản xuất, chiếu sáng và củi trấu sinh khối (biomass)/dầu diesel ít phát thải cho hệ thống lò hơi. Nhận thức được yêu cầu tiết giảm năng lượng, Vinatex Đà Nẵng đang nỗ lực triển khai các sáng kiến thực tế như rà soát thay thế dần các thiết bị điện cũ sang công nghệ tiết kiệm điện, tuyên truyền nâng cao ý thức tắt máy khi không sử dụng và lập sổ theo dõi chỉ số tiêu thụ điện, nước, hàng tháng tại từng phân xưởng. Ngoài ra các nhà máy trực thuộc đều được lắp đặt đồng hồ giám sát tiêu thụ điện - nước tại các khu vực sản xuất/sinh hoạt nhằm quản lý mức độ tiêu thụ năng lượng hướng đến mục tiêu giảm tiêu thụ năng lượng nhưng vẫn đảm bảo được năng suất sản xuất toàn nhà máy. Về dài hạn, Công ty đang trong quá trình nghiên cứu và tìm kiếm đối tác để phát triển hệ thống điện mặt trời áp mái, nhằm từng bước gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong cơ cấu năng lượng chung.

TIÊU THỤ NƯỚC

Năm 2025, tổng lượng nước tiêu thụ là 25.363 m3. Nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và hoạt động tại các nhà máy ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai được cung cấp hoàn toàn từ mạng lưới cấp nước địa phương. Đối với quản lý nước thải, Công ty tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật sở tại như một điều kiện tiên quyết để vượt qua các kỳ đánh giá môi trường của nhãn hàng. Nước thải được thu gom và xử lý qua hệ thống nội bộ, lưu lượng xả thải luôn được kiểm soát chặt chẽ để không vượt quá mức cấp phép. Các đợt quan trắc định kỳ trong năm 2025 đều cho thấy các thông số chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn, hệ thống vận hành ổn định và Công ty duy trì việc báo cáo đầy đủ thông tin cho Sở Nông nghiệp & Môi trường, sẵn sàng cung cấp minh chứng cho các đoàn Audit môi trường từ khách hàng.

Trong năm, Công ty không có sự cố phát sinh trong quá trình xử lý nước thải gây ảnh hưởng tới môi trường. Lượng nước thải sản xuất phát sinh các tháng trong năm 2025 tại tất cả các nhà máy đều không vượt lưu lượng theo đăng ký xả thải. Tại các đợt quan trắc, tất cả các thông số đều nằm trong ngưỡng giá trị của quy chuẩn cho phép Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, có cán bộ chuyên trách, thường xuyên được bảo dưỡng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ pháp luật Việt Nam về môi trường và an toàn lao động là nền tảng cơ bản nhất để Vinatex Đà Nẵng duy trì năng lực cạnh tranh trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục ghi nhận không có bất kỳ sự cố môi trường nào và không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến môi trường. Song song đó, công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) được duy trì ở mức độ sẵn sàng cao nhất. Đội PCCC cơ sở thường xuyên được huấn luyện, hệ thống thiết bị cứu hỏa được kiểm tra, thay thế định kỳ hàng tuần, đảm bảo môi trường làm việc an toàn tối đa cho người lao động và bảo vệ tài sản của cả doanh nghiệp lẫn khách hàng.

Về công tác phòng chống cháy nổ, Đội Phòng chống cháy nổ được huấn luyện định kỳ hàng năm, và hàng tuần Công ty tiến hành kiểm tra và thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy. Trong năm 2025, không có sự cố cháy nổ nào xảy ra, đảm bảo an toàn cho tài sản và con người.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Trong năm 2025, với quy mô 1.793 lao động và mức thu nhập bình quân đạt 10.302.000 đồng/người/tháng, Công ty cam kết tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội, hướng tới việc đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá khắt khe như SLCP (Social & Labor Convergence Program). Các chính sách về giờ làm việc, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội được thực hiện nghiêm túc theo Luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty chú trọng tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tầm soát bệnh nghề nghiệp và duy trì kênh đối thoại mở để tiếp nhận ý kiến của công nhân. Đặc biệt, công tác đào tạo, kèm cặp tay nghề cho lao động mới và lao động thử việc được chuẩn hóa, giúp họ nhanh chóng hòa nhập và làm việc an toàn, hiệu quả.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Trách nhiệm cộng đồng (CSR) luôn được Vinatex Đà Nẵng duy trì như một phần của văn hóa doanh nghiệp, đồng thời cũng là một điểm cộng trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn ESG quốc tế. Các hoạt động cộng đồng tiêu biểu của Công ty trong năm qua tập trung vào tính thiết thực và lan tỏa. Vinatex Đà Nẵng đã tích cực đóng góp vào các quỹ từ thiện, tổ chức trao tặng quà Tết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, đồng thời tài trợ học bổng và hiện vật nhằm tiếp sức cho trẻ em nghèo hiếu học tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, trước những thiệt hại nặng nề từ đợt bão kỷ lục năm 2025, Công ty đã chủ động kêu gọi và trực tiếp cử các đoàn cứu trợ đến thăm hỏi, hỗ trợ khẩn cấp cho đồng bào tại Quảng Ngãi, Gia Lai và Đắk Lắk. Những hành động kịp thời này không chỉ thể hiện tinh thần tương thân tương ái mà còn khẳng định cam kết gắn kết chặt chẽ sự phát triển bền vững của doanh nghiệp với sự ổn định và an sinh của cộng đồng sở tại.



CHƯƠNG III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

48	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
50	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
52	NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
54	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2026
55	GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
56	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2025

BCTC Công ty mẹ

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	654,43	708	700,38	98,93%
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	11,869	15,661	11,861	75,74%
3	Lao động bình quân	Người	1.791	2.055	1.793	87,25%
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/tháng	9.359.000	10.751.000	10.236.000	95,21%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,63	11,2	13,36	119,29%

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ sự biến động mạnh của chi phí logistics và giá nguyên liệu đầu vào (bông, xơ). Bên cạnh đó, các rào cản thuế quan từ thị trường Hoa Kỳ và xu hướng “thời trang xanh” đã tạo áp lực lớn lên biên lợi nhuận của toàn ngành. Tại địa phương, các đợt thiên tai, bão lũ kỷ lục tại miền Trung cũng gây gián đoạn nhất định đến tiến độ sản xuất và phát sinh chi phí vận hành ngoài kế hoạch.

Trong điều kiện đó, kết quả thực hiện của Công ty mẹ ghi nhận các diễn biến cụ thể như sau:

- Về chỉ tiêu doanh thu:** Công ty mẹ ghi nhận tổng doanh thu bán hàng đạt 700,38 tỷ đồng, hoàn thành 98,93% kế hoạch năm và tăng trưởng 7,02% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, doanh thu gia công (CM) đạt 11,861 triệu USD, duy trì ở mức tương đương năm trước nhưng chỉ mới thực hiện được 75,74% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả này phản ánh nỗ lực duy trì quy mô sản xuất trong bối cảnh sức mua toàn cầu sụt giảm, đồng thời phải đối mặt với áp lực chia sẻ chi phí từ biến động giá bông xơ và chính sách thuế quan khắt khe tại thị trường Hoa Kỳ.
- Đối với công tác lao động và thu nhập:** Công ty đã giữ vững sự ổn định về quy mô nhân sự với số lượng lao động bình quân đạt 1.793 người, xấp xỉ năm trước. Dù chỉ tiêu về số lượng lao động chưa đạt mức 2.055 người như kỳ vọng do ảnh hưởng trực tiếp từ các đợt bão lũ kỷ lục gây gián đoạn hoạt động tại các địa bàn miền Trung, Công ty vẫn đảm bảo mức thu nhập bình quân đạt 10.236.000 đồng/người/tháng. Việc thu nhập người lao động tăng trưởng 9,37% so với năm 2024 là kết quả của việc cải thiện năng suất và cam kết đảm bảo phúc lợi của Ban điều hành trong giai đoạn thị trường nhiều biến động.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận:** Chỉ tiêu lợi nhuận ghi nhận kết quả khả quan khi lợi nhuận trước thuế đạt 13,36 tỷ đồng, vượt 19,29% so với kế hoạch và tăng trưởng 25,68% so với thực hiện năm 2024. Việc lợi nhuận tăng trưởng tích cực trong khi doanh thu bán hàng chưa đạt mức tối đa kế hoạch minh chứng cho hiệu quả của công tác quản trị chi phí và tối ưu hóa năng suất vận hành. Công ty đã chủ động thích ứng với các yêu cầu kiểm định khắt khe từ đối tác Âu - Mỹ và xu hướng “thời trang xanh”, qua đó bảo vệ biên lợi nhuận trước áp lực giảm đơn giá gia công chung của toàn ngành.

Nhìn chung, năm 2025 là một năm vận hành có trọng tâm của Công ty. Dù còn những chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch do yếu tố khách quan của thị trường và thiên tai, nhưng việc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận và đảm bảo tăng trưởng thu nhập cho người lao động đã minh chứng cho năng lực ứng phó linh hoạt của Ban điều hành trước các thách thức từ kinh tế thế giới.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Duy trì đà tăng trưởng và bứt phá lợi nhuận

Tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 12,37 tỷ đồng, tăng trưởng 410,12% so với năm 2024. Riêng tại Công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế đạt 13,36 tỷ đồng, vượt 19,29% so với kế hoạch đề ra.

Doanh thu tiếp tục đi lên: Doanh thu thuần hợp nhất đạt 789,86 tỷ đồng, tăng 11,78% so với năm 2024, cho thấy khả năng duy trì và mở rộng đơn hàng ổn định trong bối cảnh sức mua toàn cầu có xu hướng thắt chặt.

Kiểm soát tốt giá vốn: MMức tăng của giá vốn hàng bán (9,03%) thấp hơn mức tăng của doanh thu thuần (11,78%), minh chứng cho nỗ lực tối ưu hóa chi phí sản xuất và quản trị định mức nguyên vật liệu hiệu quả.

Nâng cao hiệu suất hoạt động và năng lực tài chính

Tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho: Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,55 lên 6,47 vòng, giúp giảm thời gian lưu kho và tăng tính thanh khoản cho dòng tiền hoạt động.

Cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn: Vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,59 lên 1,67 vòng. Đặc biệt, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) có sự bứt phá từ 3,38% lên 17,02%, khẳng định năng lực sử dụng vốn hiệu quả của Ban điều hành.

Từng bước chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế: Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp để đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định khắt khe từ đối tác Mỹ và Âu như Higg FEM, SLCP, tạo tiền đề để giữ vững thị phần tại các thị trường xuất khẩu chủ lực.

Thích ứng linh hoạt trước các thách thức thị trường

Chủ động ứng phó với biến động chi phí: Công ty đã linh hoạt điều tiết hoạt động sản xuất để đối phó với sự tăng giá của năng lượng, vận tải và biến động tỷ giá, đảm bảo biên lợi nhuận ròng được cải thiện đáng kể so với năm trước.

Duy trì ổn định nguồn lực trong thiên tai: Dù chịu ảnh hưởng trực tiếp từ đợt bão lũ kỷ lục tại khu vực miền Trung, Công ty vẫn đảm bảo thu nhập bình quân cho 1.793 lao động đạt 10,23 triệu đồng/tháng (tăng 9,37% so với năm 2024). Việc giữ vững đội ngũ nhân sự và đảm bảo an sinh lao động là cơ sở để Công ty hoàn thành các đơn hàng đúng tiến độ trong giai đoạn cao điểm.

Thực hiện trách nhiệm xã hội kịp thời: Công ty đã khẳng định vai trò đồng hành cùng cộng đồng thông qua việc trực tiếp cử các đoàn cứu trợ đến các địa phương chịu thiệt hại nặng nề tại Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk ngay sau thiên tai.



Năm 2025, Công ty không chỉ duy trì sự phục hồi từ nền tảng năm 2024 mà còn đạt được những bước tiến thực chất về chất lượng lợi nhuận và hiệu suất vận hành. Đây là tiền đề vững chắc để Công ty tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trọng điểm và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu trong năm 2026.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2024		31/12/2025		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	331.443.611.522	70,50%	324.323.045.171	68,22%	-2,15%
Tài sản dài hạn	138.718.654.960	29,50%	151.095.388.752	31,78%	+8,92%
Tổng tài sản	470.162.266.482	100,00%	475.418.433.923	100,00%	+1,12%

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2024		31/12/2025		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	358.754.642.167	82,52%	345.658.397.669	79,01%	-3,65%
Tài sản dài hạn	76.015.832.532	17,48%	91.803.886.951	20,99%	+20,77%
Tổng tài sản	434.770.474.699	100,00%	437.462.284.620	100,00%	+0,62%

Tính đến thời điểm 31/12/2025, quy mô tổng tài sản hợp nhất của Công ty đạt 475,42 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ 1,12% so với đầu năm. Điểm nhấn quan trọng trong năm là sự dịch chuyển chiến lược trong cơ cấu tài sản sang các hạng mục đầu tư dài hạn nhằm phục vụ lộ trình mở rộng năng lực sản xuất. Trong khi tài sản ngắn hạn hợp nhất được tiết giảm còn 324,32 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 68,22%), tài sản dài hạn lại ghi nhận mức tăng trưởng 8,92%, đạt 151,10 tỷ đồng và chiếm 31,78% tổng quy mô tài sản. Động lực chính cho sự gia tăng này đến từ hoạt động đầu tư vào dự án Mở rộng Nhà máy may Phù Mỹ với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 38 tỷ đồng, trong đó chi phí xây dựng dở dang tính đến cuối kỳ đã ghi nhận đạt hơn 17,17 tỷ đồng.

Xu hướng này thể hiện rõ rệt hơn tại Báo cáo Công ty mẹ với quy mô tài sản dài hạn bứt phá 20,77%, đạt mức 91,80 tỷ đồng. Việc tập trung nguồn lực cho tài sản dài hạn được củng cố bởi nền tảng tài sản cố định hữu hình hiện hữu với tổng nguyên giá hơn 297,61 tỷ đồng. Mặc dù hệ thống máy móc thiết bị đã được khai thác sâu với giá trị còn lại ở mức 26,57%, điều này lại tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí khấu hao trong các kỳ tới, góp phần cải thiện đáng kể biên lợi nhuận ròng. Sự kết hợp giữa việc đầu tư mở rộng và tối ưu hóa hạ tầng sẵn có đã giúp vòng quay tổng tài sản cải thiện từ 1,59 lên 1,67 vòng, minh chứng cho hiệu quả khai thác tài sản đang đi đúng lộ trình đề ra.

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GIÁ TRỊ CÒN LẠI/ NGUYÊN GIÁ
Nhà cửa, vật kiến trúc	123.041.505.438	60.913.923.073	49,51%
Máy móc, thiết bị	143.775.188.418	38.197.422.899	26,57%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	27.790.586.115	12.667.709.042	45,58%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.004.327.016	146.827.097	4,89%
Cộng	297.611.606.987	111.925.882.111	37,61%

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GIÁ TRỊ CÒN LẠI/ NGUYÊN GIÁ
Quyền sử dụng đất	7.979.882.783	7.884.307.250	98,80%
Phần mềm máy tính	2.158.558.197	215.465.291	9,98%
Cộng	10.138.440.980	8.099.772.541	79,89%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2024		31/12/2025		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	373.427.761.788	93,43%	368.628.437.571	92,03%	-1,29%
Nợ dài hạn	26.274.305.230	6,57%	31.934.519.419	7,97%	+21,54%
Tổng Nợ phải trả	399.702.067.018	100,00%	400.562.956.990	100,00%	+0,22%

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2024		31/12/2025		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	346.099.468.164	99,03%	332.531.802.910	95,33%	-3,92%
Nợ dài hạn	3.372.871.849	0,97%	16.285.922.440	4,67%	+382,85%
Tổng Nợ phải trả	349.472.340.013	100,00%	348.817.725.350	100,00%	-0,19%

Song hành cùng việc tích lũy tài sản, công tác quản trị công nợ năm 2025 ghi nhận những nỗ lực trong việc kiểm soát rủi ro thanh khoản và tái cơ cấu kỳ hạn nợ. Tổng nợ phải trả hợp nhất vào cuối kỳ là 400,56 tỷ đồng, gần như đi ngang so với năm 2024. Mặc dù quy mô tổng nợ không biến động lớn, chất lượng cơ cấu nợ đã được cải thiện theo hướng bền vững hơn khi nợ ngắn hạn hợp nhất giảm xuống còn 368,62 tỷ đồng (chiếm 92,03% tổng nợ), trong khi nợ dài hạn tăng 21,54% lên mức 31,93 tỷ đồng. Sự dịch chuyển này giúp hệ số thanh toán nhanh của Công ty cải thiện từ 0,57 lên 0,61, tạo dư địa an toàn hơn cho dòng tiền hoạt động.

Tại Công ty mẹ, tổng nợ phải trả được kiểm soát chặt chẽ ở mức 348,81 tỷ đồng, giảm nhẹ so với con số 349,47 tỷ đồng của năm trước. Điểm nhấn đáng chú ý là sự gia tăng mạnh mẽ của nợ dài hạn từ 3,37 tỷ đồng lên mức 16,28 tỷ đồng (tăng gấp 4,8 lần) nhằm thay thế cho một phần nợ ngắn hạn. Việc chủ động giãn kỳ hạn trả nợ không chỉ giảm bớt áp lực thanh toán tức thời mà còn giúp doanh nghiệp ổn định nguồn vốn để tập trung hoàn thiện dự án Mở rộng Nhà máy may Phù Mỹ trong năm tới.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ



MỤC TIÊU CHÍNH

- » Sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý các cấp.
- » Xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động, góp phần giữ chân người lao động & tuyển dụng thêm lao động mới.
- » Kiểm soát, ổn định công tác chất lượng, tăng năng lực cạnh tranh
- » Kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

CÔNG TÁC TRIỂN KHAI NĂM 2025

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

- Giữ vững được lực lượng lao động, giảm tỉ lệ lao động thôi việc trong năm 2025 (Tỉ lệ lao động thôi việc năm 2025 giảm 30,49% so với năm 2024), công tác tuyển dụng lao động có nhiều cải thiện so với cùng kỳ năm 2024 (Tăng 18,85% so với năm 2024)
- Thanh toán kịp thời lương, thưởng, chính sách chế độ cho người lao động, tổ chức mua bảo hiểm thân thể cho người lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe 2 đợt cho gần 2000 CBCNV toàn Công ty, khám bệnh nghề nghiệp, huấn luyện sơ cấp cứu, đo đặc môi trường làm việc. Thực hiện việc nâng bậc lương cho toàn thể CBCNV Công ty.
- Tổ chức huấn luyện kỹ thuật và diễn tập phương án PCCC tại tất cả các đơn vị, đảm bảo công tác ATVSTP. Giữ vững an ninh trật tự & đảm bảo tài sản trong toàn hệ thống.
- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện nhiều chính sách cải thiện thu nhập cho người lao động (TNBQ năm 2025 tăng 9,37% so với năm 2024).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

CÔNG TÁC TRIỂN KHAI NĂM 2025

CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

- Phân công lao động, bố trí bậc thợ phù hợp với tay nghề đảm bảo mức lương cho người lao động. Đồng thời phối hợp đào tạo công nhân mới, nâng cao tay nghề, giảm thời gian thao tác lãng phí trong sản xuất.
- Duy trì các công tác checklist nguyên phụ liệu, hợp PP, chuyển đổi ngoài, nghiên cứu các công đoạn khó đưa lên thiết bị lập trình... để ổn định chất lượng và giảm lỗi kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Sắp xếp đơn hàng sản xuất phù hợp, thuận lợi cho từng chuyền may và từng nhà máy theo tính chuyên môn hóa cao nhất. Đốc thúc & kiểm soát năng suất hàng giờ, đảm bảo kế hoạch doanh thu hàng ngày & tháng, đảm bảo giao hàng.
- Xây dựng quy trình chuẩn cho đơn hàng để áp dụng chung cho toàn hệ thống khi sản xuất chung một mặt hàng.
- Kiểm soát chất lượng toàn diện ở tất cả các khâu của qui trình sản xuất (May mẫu, test vải, kiểm tra NPL, inline, Re final, Final...) ổn định chất lượng sản phẩm theo cam kết với khách hàng.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Cân đối nguồn tài chính ngày càng tốt hơn, đảm bảo thanh toán khách hàng kịp thời và rút ngắn thời gian quay vòng vốn, các chỉ tiêu tài chính ngày càng tốt.
- Phân tích cụ thể những chi phí phát sinh để thấy trách nhiệm và chủ động hơn trong việc giảm chi phí tại các đơn vị và tham mưu kịp thời đến Ban điều hành.
- Tìm nguồn vay với lãi suất thấp nhất phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Báo cáo chi tiết hiệu quả của từng đơn hàng hàng tháng, duy trì các báo cáo quản trị thường xuyên giúp tham mưu kịp thời cho Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành SXKD.
- Lập và nộp hồ sơ hoàn thuế GTGT kịp thời.

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

- Thực hiện qui hoạch thị trường cho từng nhà máy theo hướng chuyên môn hóa cao: NM Phù Mỹ (BHLĐ, Jacket gòn & seam), NM Dung Quất (Quần tây, áo quần trẻ em), NM Nghĩa Hành (Áo Jacket lông vũ, gòn & seam), NM An Điền (Quần tây & Jacket 1L)
- Khai thác những đơn hàng với số lượng lớn (Soho, SLJ) theo hướng chuyên môn hóa, thời gian sản xuất dài ngày, tạo điều kiện cho các nhà máy nâng cao năng suất lao động.
- Đảm bảo sự đồng bộ về nguyên phụ liệu kịp thời giúp cho các nhà máy triển khai các công tác chuẩn bị & ổn định nhanh sản xuất.
- Phát triển thêm những đơn hàng, chủng loại mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

MỤC TIÊU KHÁC

- Đầu tư chiều sâu các máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại với giá trị hơn 10 tỷ đồng nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động.
- Tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng tinh thần làm việc sôi nổi, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau.
- Xây dựng định mức và thực hiện các phương án tiết kiệm về nguyên phụ liệu, đặc biệt là tiết kiệm về năng lượng (điện, nước, xăng ...) nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đảm bảo công tác an toàn lao động tại tất cả các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty. Thực hiện tốt công tác trách nhiệm xã hội, đánh giá qui trình sản xuất đảm bảo điều kiện tiếp nhận đơn hàng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	740
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	15,390
3	Lao động bình quân	Người	1.921
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/tháng	11.187.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhằm hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ & thực hiện quyết liệt, cụ thể như sau:

Giải pháp về Thị trường

- Tiếp tục kiên định về quy hoạch cho từng đơn vị, đặc biệt phải đảm bảo chủng loại sản phẩm có thời gian sản xuất 9 tháng/năm.
- Duy trì các khách hàng chủ lực (Sun S, Big Born, Motives, Quảng Việt, Soho, SLJ), phát triển thêm các khách hàng mới, tập trung vào các dòng hàng có sự khác biệt như hàng: Ép seam, lông vũ, bảo hộ thông gió.
- Đẩy mạnh liên kết ngoài bằng những chủng loại phù hợp như: Quần Boys Centric, Chino 18C & 10C, quần bơi và các dòng sản phẩm khác tương tự.
- Đàm phán với khách làm CMPT để Vinatex ĐN phát triển một số chủng loại vải đơn giản nhất, với giá cạnh tranh hơn. Đặc biệt làm trước các phụ liệu như dây kéo, nhãn các loại.
- Tổ chức làm việc trực tiếp & thăm hỏi các khách hàng.
- Giải quyết kịp thời đồng bộ NPL sản xuất cho các nhà máy, đặc biệt là phụ liệu đóng gói.

Giải pháp về Quản trị sản xuất

- Tiếp tục xây dựng qui trình sản xuất tiên tiến cho mỗi chủng loại sản phẩm, trên cơ sở đó giao giá CM trên mỗi giây chế tạo sản phẩm cho các nhà máy, chuyển may để xây dựng kế hoạch SXKD và đảm bảo trả lương cho người lao động.
- Tập trung tổ chức sản xuất tốt để hạn chế việc làm thêm giờ, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch hàng ngày, điều phối đơn hàng hợp lý giữa các nhà máy đảm bảo hàng hóa cho nhà máy sản xuất, đảm bảo thời gian giao hàng cho khách hàng.
- Tăng cường công tác hội thảo kỹ thuật, cải tiến để thống nhất trong cách làm & chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị.
- Kiểm soát tốt công tác chất lượng ở tất cả các khâu của qui trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo niềm tin cho khách hàng.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai công tác tuyển dụng lao động có chọn lọc, có trình độ tay nghề bằng nhiều hình thức tuyển dụng khác nhau. Chú trọng chất lượng lao động hơn số lượng lao động. Xây dựng các chính sách đột phá về lương, thưởng để tuyển dụng lao động có trình độ cao.
- Thực hiện nghiêm nội qui qui chế làm việc, kỷ luật lao động để tạo nếp làm việc chuyên nghiệp, giảm tỉ lệ lao động vắng trong ngày.
- Xây dựng các chương trình đào tạo công nhân mới hòa nhập nhanh trong môi trường sản xuất & đào tạo quản lý các cấp để nâng cao năng lực quản lý điều hành.
- Sẵn sàng thay thế các Cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.
- Cải thiện bữa ăn ca và môi trường làm việc, thực hiện các chính sách lương thưởng kịp thời để nâng cao thu nhập cho người lao động để người lao động an tâm làm việc và gắn bó với Công ty. Duy trì thường xuyên công tác đối thoại với người lao động, nắm bắt các nguyện vọng của người lao động để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động.

Giải pháp về Tài chính

- Làm việc tăng hạn mức tại các Ngân hàng có lãi suất ổn định và thấp trong thời gian vừa qua, tiếp tục bám sát các Ngân hàng để tìm nguồn vay với lãi suất vay thấp nhất có thể.
- Bám sát định mức chi phí đã đăng ký để tiếp tục duy trì và phát huy quản lý chi phí theo định mức chi phí tốt hơn để tham mưu kịp thời cho Ban điều hành.
- Thường xuyên cập nhật các quy định mới về thuế, chế độ kế toán để áp dụng kịp thời vào công việc.
- Phân tích chi phí và hiệu quả SXKD của từng đơn vị kịp thời, giúp cho Ban điều hành có những giải pháp chỉ đạo SXKD hiệu quả.
- Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ bộ phận kế toán toàn Công ty để hướng đến quản lý hồ sơ Kế toán theo nền tảng kỹ thuật số.

Các giải pháp khác

- Tiếp tục đầu tư lớn và đầu tư chiều sâu về máy móc thiết bị hiện đại cho các nhà máy để tăng năng suất lao động.
- Thanh lý các máy móc thiết bị không cần thiết, NPL tồn kho nhằm thu hồi bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung các nội qui, qui chế hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu thực tế & tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật.
- Phối hợp với Tổ chức Công đoàn tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào sáng kiến cải tiến, góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao thu nhập người lao động.
- Duy trì các công tác An toàn vệ sinh lao động, PCCC, an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh trật tự, môi trường...
- Ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, chuyển đổi số đối với các hoạt động SXKD của Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành.
- Năm 2026, tình hình địa chính trị thế giới vẫn còn nhiều phức tạp, thị trường vẫn còn khó khăn. Với sự định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cùng với Tập thể CBCNV quyết tâm hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2026.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Đối với Ban Tổng Giám đốc Vinatex Đà Nẵng, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là yếu tố then chốt để duy trì năng lực cạnh tranh trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiên trì mục tiêu tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thông qua các biện pháp kỹ thuật thiết thực. Việc kiểm soát định mức tiêu thụ điện, nước và quản lý phát thải được thực hiện nghiêm ngặt, gắn liền với chỉ số hiệu suất thiết bị và quy trình sản xuất mẫu. Song song đó, hệ thống quản lý chất thải khoa học và các chứng nhận về môi trường như Higg FEM tiếp tục được duy trì, minh chứng cho cam kết của doanh nghiệp trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và đáp ứng các rào cản kỹ thuật khắt khe từ thị trường Âu - Mỹ.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là tài sản chiến lược quyết định sự phát triển bền vững, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung xây dựng một môi trường làm việc an toàn, công bằng và có thu nhập cạnh tranh. Tính đến cuối năm 2025, Công ty đã đảm bảo việc làm ổn định cho 1.793 lao động với mức thu nhập bình quân đạt 10,236 triệu đồng/tháng, tăng trưởng 9,37% so với năm trước. Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT và an toàn lao động, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách phúc lợi đặc thù như hỗ trợ nhà trọ, xăng xe và đào tạo nâng cao tay nghề định kỳ. Việc duy trì và cải thiện các chỉ số về trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SLCP không chỉ giúp tăng cường sự gắn kết của người lao động mà còn là cơ sở để Công ty vượt qua các đợt đánh giá khắt khe của đối tác quốc tế, đảm bảo dòng đơn hàng ổn định trong dài hạn.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong chiến lược phát triển của mình, Vinatex Đà Nẵng luôn đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế song hành với sự thịnh vượng của cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động. Với tư cách là một đơn vị nòng cốt tại địa phương, Công ty không chỉ đóng góp vào ngân sách nhà nước mà còn chủ động tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội. Trong năm 2025, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương triển khai các chương trình thiện nguyện thiết thực, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và các địa bàn chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Những hoạt động này không thuần túy là trách nhiệm đạo đức mà còn thể hiện triết lý "phát triển đồng hành" của Ban Tổng Giám đốc, qua đó xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm, tin cậy và gắn bó mật thiết với sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.





CHƯƠNG IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 60 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 61 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) ghi nhận nỗ lực bứt phá của Công ty trong bối cảnh thị trường dệt may vẫn còn nhiều biến động về chi phí đầu vào và yêu cầu khắt khe về chuyển đổi xanh. Kết quả kinh doanh hợp nhất đạt được những con số ấn tượng với doanh thu thuần đạt 789,86 tỷ đồng (tăng 11,78%) và lợi nhuận sau thuế đạt 12,36 tỷ đồng, tăng trưởng vượt bậc 410,12% so với năm 2024. HĐQT đánh giá cao việc Công ty đã chuyển dịch từ trạng thái lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (-0,47 tỷ đồng) năm 2024 sang mức lãi 15 tỷ đồng trong năm 2025, minh chứng cho sự cải thiện rõ rệt trong hiệu quả vận hành và quản trị chi phí.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội, HĐQT đánh giá Công ty đã thực hiện đúng lộ trình ESG đề ra. Việc duy trì các tiêu chuẩn xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng và đặc biệt là đầu tư vào dự án Mở rộng Nhà máy may Phù Mỹ không chỉ nhằm gia tăng năng lực sản xuất mà còn hướng tới các tiêu chuẩn hạ tầng hiện đại, giảm thiểu tác động môi trường. Công tác an sinh xã hội tiếp tục được chú trọng, đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động ở mức 10,236 triệu đồng/tháng (tăng 9,37%) và thực hiện đầy đủ các hoạt động thiện nguyện tại địa phương, góp phần xây dựng thương hiệu doanh nghiệp bền vững trong lòng cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong kỳ quản trị năm 2025, HĐQT nhận định Ban Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban TGDĐ đã xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể lợi nhuận trước thuế đạt 13,36 tỷ đồng, tương ứng 119,29% kế hoạch năm.

HĐQT đánh giá cao năng lực của Ban TGDĐ trong việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, đưa chỉ số vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,59 lên 1,67 vòng và bứt phá chỉ số ROAE lên mức 17,02% (so với mức 3,38% của năm 2024). Việc Ban TGDĐ chủ động tái cơ cấu nợ, tăng tỷ trọng nợ dài hạn tại Công ty mẹ từ 3,37 tỷ lên 16,28 tỷ đồng đã giúp giảm đáng kể áp lực thanh khoản ngắn hạn, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư trọng điểm về đích đúng tiến độ. HĐQT hoàn toàn tin tưởng vào năng lực chuyên môn và sự quyết liệt trong điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý hiện tại.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	740
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	15,390
3	Lao động bình quân	Người	1.921
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/tháng	11.187.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20
6	Cổ tức	%	20

CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 67 BAN KIỂM SOÁT
- 68 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025: Không có

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Bên cạnh đó, cho đến thời điểm này, Hội đồng quản trị chưa có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT xây dựng chương trình hoạt động hàng quý, năm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên giám sát, kiểm tra mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời chỉ đạo đối với Ban điều hành tổ chức, triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT.

Hàng quý, HĐQT tổ chức họp để đánh giá kết quả SXKD trong kỳ, đánh giá những việc làm được, đánh giá những mặt còn tồn tại hạn chế, xây dựng kế hoạch & giải pháp cho kế hoạch còn lại nhằm hoàn thành các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025 đã quyết nghị.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	10	100%
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	10	100%
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	10	100%
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10	100%
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp, cả định kỳ cũng như đột xuất, và ban hành 10 Nghị quyết. Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT trong năm 2025 thể hiện ở các nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	20/01/2025	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc ký kết & thực hiện hợp đồng với các bên có liên quan trong năm 2025	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nhằm chuẩn bị đầy đủ tài liệu ĐHĐCĐ	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	22/04/2025	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	14/05/2025	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc CTCP Vinatex Đà Nẵng nhiệm kỳ mới	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	22/05/2025	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 sang ngày 19/06/2025 để thuận tiện hơn cho việc tổ chức, sắp xếp nhân sự tại Đại hội	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	19/06/2025	Nghị quyết HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	07/07/2025	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2024	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	27/10/2025	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi con dấu Công ty và chi nhánh	100%
9	09/2025/NQ-HĐQT	24/11/2025	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại CTCP May Vinatex Nghĩa Hành	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT	24/12/2025	Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay các thành viên HĐQT đang tích cực trao đổi kinh nghiệm quản trị từ các thông lệ tốt trên thị trường và Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	NGÀY BỔ NHIỆM
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
2	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện tại tất cả các đơn vị trực thuộc và Công ty con, bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Kiểm tra, giám sát quyền lợi của người lao động và các cổ đông.
- Đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty để đảm bảo tính hợp pháp và trung thực của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Hàng tháng, Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, và những kiến nghị của Ban kiểm soát sẽ được ghi nhận và triển khai thực hiện.

HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với nhau vì lợi ích chung của Công ty, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	02	100%
2	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	02	100%
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	02	100%

Năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, mỗi cuộc họp đều nhằm mục tiêu rà soát và đảm bảo tính minh bạch cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty. Các phiên họp diễn ra dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban kiểm soát và có sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên trong Ban kiểm soát. Nội dung cụ thể của từng phiên họp bao gồm:

- Phiên họp thứ nhất (Đầu năm): Đánh giá tình hình tài chính và xem xét các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- Phiên họp thứ hai (Cuối năm): Đánh giá tiến độ thực hiện các kế hoạch đã đề ra, Chuẩn bị và kiểm tra báo cáo tài chính năm, kiểm soát chi tiêu và đề xuất chính sách phân phối lợi nhuận hợp lý cho năm tiếp theo.

Trong mỗi cuộc họp, Trưởng Ban kiểm soát luôn lắng nghe và xem xét các ý kiến đóng góp từ các thành viên, đảm bảo rằng mọi quyết định đều phản ánh đúng mục tiêu chung của Công ty về sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Các biên bản chi tiết của từng phiên họp đã được lưu trữ cẩn thận và được tất cả các thành viên nhất trí thông qua.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LOẠI LỢI ÍCH	NĂM 2025
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000
			Thưởng	520.000.000
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Thưởng	50.000.000
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Thưởng	50.000.000
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Lương, thưởng	1.251.321.151
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Lương, thưởng	1.458.766.472
6	Ông Văn Hữu Thành	Phó TGD	Lương, thưởng	788.732.776
7	Ông Phạm Vũ Bằng	GĐDH kiêm Thư ký HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000
			Lương, thưởng	863.820.291
8	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	Lương, thưởng	815.695.038
9	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	811.287.790
10	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	Thù lao BKS	60.000.000
			Thưởng	50.500.000
11	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	Thù lao BKS	120.000.000
			Thưởng	74.000.000
12	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	Thù lao BKS	36.000.000
			Thưởng	24.500.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ/ MỐI QUAN HỆ	SLCP TRƯỚC GIAO DỊCH	SLCP THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SLCP SAU GIAO DỊCH
1	Nguyễn Xuân Đông	TV HĐQT	245.925	245.925	0
2	CTCP Len Hà Đông	Tổ chức có liên quan với ông Nguyễn Xuân Đông	0	245.925	245.925

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với 03 bên liên quan, chi tiết giao dịch như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
CTCP Vinatex Nghĩa Hành	May Công ty con	Giấy số 4300819830, do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/07/2018	Cụm công nghiệp Đình Xá, Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	Từ tháng 01/2025 đến 12/2025	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025	Bán hàng: 11.116.585.960 đồng Mua hàng: 5.924.595.922 đồng	Gia công hàng may mặc
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	NCLQ đến Chủ tịch HĐQT	Giấy số 0313767685, do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 21/04/2016	Số 04 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, TP Hồ Chí Minh	Từ tháng 01/2025 đến 12/2025	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025	Bán hàng: 13.113.975.420 đồng	Gia công hàng may mặc
Ông Phạm Thanh Hùng	NCLQ đến Chủ tịch HĐQT	CCCD số 049068001089, cấp ngày 04/04/2021	TP. Đà Nẵng	Tháng 11/2025	Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025	Mua: 50.000 cổ phiếu Tổng giá trị: 500.000.000 đồng	N h ậ n c h u y ể n n h ư ợ n g c ổ p h i ế u CTCP May Vinatex Nghĩa Hành

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty đóng vai trò then chốt trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Do đó, CTCP Vinatex Đà Nẵng luôn đảm bảo quản trị đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ, đồng thời xây dựng hệ thống quản trị hợp lý, phù hợp với đặc điểm, lợi ích và mục tiêu của Công ty cùng các cổ đông.

Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý liên quan đến công tác báo cáo quản trị và công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mục tiêu của công ty là không ngừng nâng cao và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất, thực hiện tối ưu các mục tiêu đã đề ra trong điều kiện kinh tế biến động.

Công ty cũng cử đại diện tham gia các hội thảo và khóa tập huấn trực tuyến hoặc trực tiếp về quản trị công ty do UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức. Điều này giúp Ban lãnh đạo công ty cập nhật và áp dụng các phương thức quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ vậy, công ty luôn sẵn sàng ứng phó kịp thời và cập nhật đầy đủ các văn bản pháp lý trước những thay đổi về luật mới và quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

74

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025



AUDTING

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Dệt may Đà Nẵng theo Quyết định số 142/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 40400410498 ngày 08/08/2005. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh 13 lần kể từ khi thành lập và lần thứ 13 vào ngày 12/02/2026 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/07/2010 với mã chứng khoán là VDN.

Vốn điều lệ: 32.989.100.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Số 02 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng (địa chỉ này được thay đổi trên Giấy CNĐKDN lần thứ 13 ngày 12/02/2026).
- Điện thoại: (84) 0236.3827116
- Fax: (84) 0236.3823367
- Website: www.vinatexdn.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hàng may mặc.

Nhân sự

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 2.237 người (tại ngày 01/01/2025 là 2.178 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Phú Cường | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Hồ Hai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Nguyễn Xuân Đông | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Đặng Trọng Tâm | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Lê Thúc Dung | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Huỳnh Tấn Long | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Lương Chương | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |
| • Ông Nguyễn Thăng Long | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 19/06/2025 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hồ Hai	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15/05/2025
Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18/12/2023
Ông Đặng Trọng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 06/01/2020
Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/05/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026



Số: 276/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 18/03/2026 của Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
Trần Thị Phú Hiền - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Dương Thị Vân Thanh - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2026-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.323.045.171	331.443.611.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		52.838.868.807	42.108.620.611
1. Tiền	111	5	35.338.868.807	42.108.620.611
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	17.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.556.778.059	157.787.145.302
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	152.119.142.738	152.209.710.661
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.781.172.328	7.368.775.668
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	2.921.192.628	1.438.941.573
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.264.729.635)	(3.230.282.600)
IV. Hàng tồn kho	140	11	101.191.768.190	118.265.771.159
1. Hàng tồn kho	141		101.517.994.521	122.272.682.102
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(326.226.331)	(4.006.910.943)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.735.630.115	13.282.074.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.486.501.916	1.399.981.525
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.176.811.245	11.868.916.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	72.316.954	13.175.986
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151.095.388.752	138.718.654.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.764.453.000	2.460.493.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	2.764.453.000	2.460.493.000
II. Tài sản cố định	220		120.025.654.652	118.862.437.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	111.925.882.111	110.233.083.173
- Nguyên giá	222		297.611.606.987	280.828.914.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.685.724.876)	(170.595.831.640)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	198.860.000
- Nguyên giá	225		2.982.284.000	2.982.284.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.982.284.000)	(2.783.424.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	8.099.772.541	8.430.494.213
- Nguyên giá	228		10.138.440.980	10.138.440.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.038.668.439)	(1.707.946.767)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.453.971.914	9.878.434.406
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	19.453.971.914	9.878.434.406
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.522.780.011	4.802.212.615
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.a	6.349.885.504	4.623.817.991
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.b	303.000.000	303.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17.b	(130.105.493)	(124.605.376)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.328.529.175	2.715.077.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	2.328.529.175	2.715.077.553
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		475.418.433.923	470.162.266.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		400.562.956.990	399.702.067.018
I. Nợ ngắn hạn	310		368.628.437.571	373.427.761.788
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	54.726.310.255	46.900.753.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	9.435.934.647	4.350.183.909
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	20	4.816.584.957	4.471.978.055
4. Phải trả người lao động	314		95.432.418.593	71.774.751.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	3.018.995.908	4.327.635.082
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	5.133.088.520	5.381.021.662
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	189.359.158.994	230.233.512.565
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.705.945.697	5.987.925.347
II. Nợ dài hạn	330		31.934.519.419	26.274.305.230
1. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	10.000.000	10.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	26.904.519.421	21.069.068.830
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	5.019.999.998	5.195.236.400
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.855.476.933	70.460.199.464
I. Vốn chủ sở hữu	410		74.834.235.684	70.438.958.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	32.989.100.000	32.989.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.989.100.000	32.989.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.423.200.000	1.423.200.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	25	(182.700.000)	(182.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	22.402.650.366	21.505.630.016
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	22.518.296.764	19.428.650.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.400.438.275	13.628.968.769
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.117.858.489	5.799.681.853
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(4.316.311.446)	(4.724.922.423)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.241.249	21.241.249
1. Nguồn kinh phí	431		21.241.249	21.241.249
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		475.418.433.923	470.162.266.482



Hồ Hai
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

Trần Thị Thi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	790.064.028.742	706.828.993.606
2. Các khoản giảm trừ	02	28	202.724.746	196.731.149
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		789.861.303.996	706.632.262.457
4. Giá vốn hàng bán	11	29	709.939.538.897	651.170.543.771
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		79.921.765.099	55.461.718.686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	8.143.682.137	9.956.929.762
7. Chi phí tài chính	22	31	13.303.950.644	15.397.166.165
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.459.056.208</i>	<i>11.062.025.049</i>
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		1.726.067.513	1.714.310.342
9. Chi phí bán hàng	25	32.a	42.561.144.567	35.145.539.907
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.b	18.919.094.368	17.064.655.400
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.007.325.170	(474.402.682)
12. Thu nhập khác	31	33	7.032.331	4.325.286.373
13. Chi phí khác	32	34	283.783.911	111.887.322
14. Lợi nhuận khác	40		(276.751.580)	4.213.399.051
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.730.573.590	3.738.996.369
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	2.540.052.173	1.657.780.542
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(175.236.402)	(342.862.068)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.365.757.819	2.424.077.895
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		12.117.858.489	5.799.681.853
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		247.899.330	(3.375.603.958)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.687	1.554
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	3.687	1.554



Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.730.573.590	3.738.996.369
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	13,14,15	15.619.474.908	14.938.320.967
- Các khoản dự phòng	03	28,30,31	(3.640.737.460)	3.570.985.400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		651.414.677	54.292.194
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	29	(2.450.803.230)	(2.284.204.637)
- Chi phí lãi vay	06	30	9.459.056.208	11.062.025.049
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		34.368.978.693	31.080.415.342
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		724.692.241	(18.483.629.180)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.754.687.581	(5.192.938.699)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.164.495.055	17.278.300.377
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	300.027.987	(50.132.363)
- Tiền lãi vay đã trả	14	21, 30	(9.518.504.815)	(11.073.890.187)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(1.539.714.656)	(883.084.687)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(179.000.000)	(1.027.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79.075.662.086	11.648.040.603
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(26.165.186.384)	(20.105.847.675)
2. Tiền thu từ TLy, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	400.340.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(380.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	380.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 30	103.913.799	169.554.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.561.272.585)	(19.535.953.380)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.516.400.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	23	627.040.534.671	608.370.664.976
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(661.987.511.243)	(573.140.054.391)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	23	(198.816.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22a, 25c	(6.553.140.000)	(6.255.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.698.932.572)	30.491.530.585
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	50		10.815.456.929	22.603.617.808
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	60	5	42.108.620.611	19.032.201.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(85.208.733)	472.801.128
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	52.838.868.807	42.108.620.611



Hồ Hải
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BT
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Dệt may Đà Nẵng theo Quyết định số 142/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 40400410498 ngày 08/08/2005. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh 13 lần kể từ khi thành lập và lần thứ 13 vào ngày 12/02/2026 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất hàng may mặc.

1.3. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Công ty con: Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Đồng Dinh, Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 52,67%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 52,67%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty liên kết: Công ty CP May Vinatex Đức Phổ

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Phổ Hòa, Xã Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,00%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 24,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty liên kết: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

- Địa chỉ Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: tẩy vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; tẩy quần bò, hồ vải, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; Giặt là, làm sạch sản phẩm dệt từ lông thú; cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dung hữu hình khác.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 31%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 31%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	4 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá

Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là giá trị hợp lý của tài sản thuê. Trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì giá trị của tài sản thuê là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khấu hao

Chính sách khấu hao tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, tài sản thuê tài chính thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê và thời gian thuê ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê, Công ty thực hiện khấu hao theo thời gian đi thuê.

Thời gian khấu hao tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.10 Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.15 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.22 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.23 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.24 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Thuế suất 0%: Áp dụng cho hoạt động dệt may xuất khẩu;
 - ✓ Thuế suất 10%: Áp dụng đối với các hoạt động bán hàng dệt may trong nước và cung cấp các dịch vụ khác. Năm 2025, Công ty được áp dụng thuế suất 8% đối với hoạt động bán hàng dệt may trong nước và cung cấp khác theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập tại Nhà máy May Phù Mỹ: Phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện đầu tư mở rộng (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn). Huyện Phù Mỹ thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Việc đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 9/2016 và vì năm 2016 thời gian hoạt động dưới 3 tháng nên Công ty đăng ký tính ưu đãi về miễn giảm thuế từ năm 2017. Theo đó, thu nhập của Nhà máy sẽ được miễn thuế 4 năm (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% trong 9 năm (từ năm 2021 đến năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2029). Ưu đãi trên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính.

- ✓ Thu nhập của Nhà máy may Nghĩa Hành thuộc Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành: Dự án áp dụng mức thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Theo quy định thì trường hợp Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn giảm thuế được tính từ năm thứ 4. Năm 2020 là năm đầu tiên Dự án có doanh thu và Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu tiên kể từ năm 2020. Do vậy, Công ty áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm (từ năm 2020 đến năm 2029), áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm (từ năm 2023 đến năm 2024) và áp dụng giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2028). Công ty tự xác định ưu đãi thuế của Dự án (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn) theo điểm a khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- ✓ Thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	229.868.000	49.363.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.109.000.807	42.059.257.111
Cộng	35.338.868.807	42.108.620.611

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	17.500.000.000	-
Cộng	17.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Jiangsu Soho Technology Trading co.,ltd	14.317.928.683	-
Motives International (Hong Kong) Limited	18.151.098.826	16.276.106.003
Fishman and Tobin Inc (F & T Apparel, LLC)	92.547.798.414	93.639.190.600
Công ty TNHH Focuz Việt Nam	2.215.802.673	26.185.621.938
SUN-S CO., LTD	6.321.006.672	7.381.035.584
Các đối tượng khác	18.565.507.470	8.727.756.536
Cộng	152.119.142.738	152.209.710.661

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	1.500.000.000	6.000.000.000
Các đối tượng khác	4.281.172.328	1.368.775.668
Cộng	5.781.172.328	7.368.775.668

9. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	20.821.918	-	-	-
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000.000	-	-	-
Tạm ứng	272.636.455	-	255.520.905	-
Bùi Mạnh Hùng	167.124.536	167.124.536	167.124.536	167.124.536
Phải thu BHXH của người lao động	571.304.122	-	550.095.786	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	663.835.281	-	254.252.809	-
Phải thu khác	625.470.316	41.223.464	211.947.537	41.223.464
Cộng	2.921.192.628	208.348.000	1.438.941.573	208.348.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Sở Tài chính tỉnh Gia Lai (*)	573.100.000	-	573.100.000	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi (**)	1.330.858.000	-	1.330.858.000	-
Ký cược, ký quỹ tiền thuê nhà xưởng (***)	556.535.000	-	556.535.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng (****)	303.960.000	-	-	-
Cộng	2.764.453.000	-	2.460.493.000	-

(*) Tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhà máy may Phù Mỹ theo Thông báo số 152/TB-SKHĐT ngày 10/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai).

(**) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án Nhà máy may Vinatex Nghĩa Hành theo Thỏa thuận số 71/KQ-SKHĐT ngày 25/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi (nay là Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ngãi).

(***) Khoản tiền đặt cọc thuê nhà xưởng tại lô 40 - 41 Đường số 2, Khu Công nghiệp An Đôn, Đà Nẵng theo Hợp đồng số 01/2022/HĐTNX/VLLV-VĐN ngày 01/07/2022 với Công ty TNHH Valley View Việt Nam Industrial.

(****) Khoản tiền đặt cọc thuê mặt bằng văn phòng tại số 02, Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng số 02/2025/HĐTMB/PAMC MT - VINATEX với Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Chi nhánh Miền Trung.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm	3.230.282.600	3.195.835.565
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm	34.447.035	34.447.035
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm	3.264.729.635	3.230.282.600

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	88.277.935	-	1.082.399.456	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.372.397.596	28.294.464	37.457.664.937	28.294.463
Công cụ, dụng cụ	51.675.740	13.163.296	266.162.890	13.163.296
Chi phí SX, KD dở dang	19.201.415.006	-	31.747.195.034	-
Thành phẩm	48.431.970.051	284.768.571	45.650.127.358	3.965.453.184
Hàng gửi bán	8.372.258.193	-	6.069.132.427	-
Cộng	101.517.994.521	326.226.331	122.272.682.102	4.006.910.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2025 là 1.428.200.373 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho luân chuyển dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2025 khoảng 80 tỷ đồng.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	177.383.034	321.753.592
Tiền bảo hiểm	581.996.554	565.990.788
Chi phí sửa chữa	404.489.551	120.562.196
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	322.632.777	391.674.949
Cộng	1.486.501.916	1.399.981.525

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.189.534.549	1.177.319.844
Chi phí sửa chữa	711.425.774	967.478.145
Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	272.483.732	318.537.607
Chi phí trả trước dài hạn khác	155.085.120	251.741.957
Cộng	2.328.529.175	2.715.077.553

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	121.168.448.021	128.865.553.661	27.790.586.115	3.004.327.016	280.828.914.813
Tăng trong năm	1.873.057.417	14.909.634.757	-	-	16.782.692.174
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	123.041.505.438	143.775.188.418	27.790.586.115	3.004.327.016	297.611.606.987
Khấu hao					
Số đầu năm	57.072.147.685	97.547.667.155	13.176.717.749	2.799.299.051	170.595.831.640
Khấu hao trong năm	5.055.434.680	8.030.098.364	1.946.159.324	58.200.868	15.089.893.236
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	62.127.582.365	105.577.765.519	15.122.877.073	2.857.499.919	185.685.724.876
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	64.096.300.336	31.317.886.506	14.613.868.366	205.027.965	110.233.083.173
Số cuối năm	60.913.923.073	38.197.422.899	12.667.709.042	146.827.097	111.925.882.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 93.973.774.081 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 105.228.783.937 đồng.

14. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Thuê tài chính trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Khấu hao		
Số đầu năm	2.783.424.000	2.783.424.000
Khấu hao trong năm	198.860.000	198.860.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	198.860.000	198.860.000
Số cuối năm	-	-

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.979.882.783	2.158.558.197	10.138.440.980
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	7.979.882.783	2.158.558.197	10.138.440.980
Khấu hao			
Số đầu năm	-	1.707.946.767	1.707.946.767
Khấu hao trong năm	95.575.533	235.146.139	330.721.672
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	95.575.533	1.943.092.906	2.038.668.439
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.979.882.783	450.611.430	8.430.494.213
Số cuối năm	7.884.307.250	215.465.291	8.099.772.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 7.884.307.250 đồng
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.476.119.695 đồng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Trung tâm Thương mại Dệt may 81 Thái Phiên	2.278.318.104	2.278.318.104
Đầu tư cải tạo mở rộng qui mô SX tại NM May Phú Mỹ	17.175.653.810	6.416.899.246
Đầu tư cải tạo tại NM May Dung Quất	-	1.183.217.056
Cộng	19.453.971.914	9.878.434.406

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

Tầng 5, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Số 02 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Đang hoạt động	24,0% 600.000	6.349.885.504	4.623.817.991
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Đang hoạt động	31,0%	-	-
Cộng			6.349.885.504	4.623.817.991

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định (NDT) (i)	Đang hoạt động	0,2% 34.500	303.000.000	124.605.376
Cộng			303.000.000	124.605.376

(i) Giá trị dự phòng của cổ phiếu NDT là chênh lệch giữa giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025 với giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Thiết bị Âu Á	11.991.226.779	12.212.290.006
Hua jin (Hong Kong) Limited	4.999.800.707	-
Hangzhou Specialty Textile Trading Co.,ltd	2.603.789.465	4.552.527.962
Công ty TNHH Mainetti (Việt Nam)	1.524.462.998	1.231.971.000
Ningbo Hotai Textile co.,ltd	1.495.741.284	1.558.756.130
Shaoxing Kerun Textile Co. Ltd	1.363.067.611	-
Các đối tượng khác	30.748.221.411	27.345.208.598
Cộng	54.726.310.255	46.900.753.696

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
August Limited Liability Company	7.290.084.762	2.584.482.419
Itochu Corporation Osasl Section	403.833.555	382.176.810
Motives (Far East) Limited	265.349.265	265.349.265
Logo TT DWC LLC Dubai	152.981.458	152.981.458
Jiangsu Soho Technology Trading Co.,LTD	1.005.419.726	727.237.932
Các đối tượng khác	318.265.881	237.956.025
Cộng	9.435.934.647	4.350.183.909

20. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	2.955.819.490	22.443.477.096	23.149.877.522	-	2.249.419.064
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	322.581.929	322.581.929	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	13.175.986	-	432.067.053	432.067.053	13.175.986	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.472.351.858	2.540.052.173	1.539.714.656	-	2.472.689.375
Thuế thu nhập cá nhân	-	43.806.707	2.368.836.568	2.318.166.757	-	94.476.518
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	911.203.708	970.299.676	59.095.968	-
Các loại thuế khác	-	-	17.161.307	17.206.307	45.000	-
Cộng	13.175.986	4.471.978.055	29.035.379.834	28.749.913.900	72.316.954	4.816.584.957

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí lãi vay	12.200.134	71.648.741
Phí thanh toán quốc tế	1.908.811.163	2.085.318.955
Chi phí hàng gia công	589.950.000	-
Chi phí xuất nhập khẩu hàng Focuz và phí giám sát	-	1.278.830.000
Các khoản trích trước khác	508.034.611	891.837.386
Cộng	3.018.995.908	4.327.635.082

22. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	3.111.776.895	3.037.300.119
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	303.642.617	298.805.552
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	189.316.167	168.996.167
Phải trả khác	1.528.352.841	1.875.919.824
- Phải trả các chi phí liên quan đến hàng tồn kho bị tổn thất do lũ lụt	301.562.021	812.362.644
- Thu lao HDQT và BKS	309.257.503	309.257.501
- Các khoản phải trả khác	917.533.317	754.299.679
Cộng	5.133.088.520	5.381.021.662

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. Vay và nợ thuế tài chính****a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	217.875.409.474	608.002.844.965	650.976.451.278	174.901.803.161
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	57.993.005.785	137.933.517.203	162.786.391.606	33.140.131.382
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	595.654.667	59.757.927.110	27.698.875.414	32.654.706.363
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh vượng - Chi nhánh Đà Nẵng	83.577.242.046	124.486.794.661	179.595.937.257	28.468.099.450
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	17.638.768.067	-	17.638.768.067	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng	30.200.928.680	86.461.497.184	107.730.509.090	8.931.916.774
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	17.785.009.386	39.631.177.968	30.935.899.506	26.480.287.848
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN DN	10.084.800.843	159.731.930.839	124.590.070.338	45.226.661.344
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN DN	10.171.083.091	13.309.128.707	11.011.059.965	12.469.151.833
Vay dài hạn đến hạn trả	3.093.483.091	5.243.614.303	3.933.459.965	4.403.637.429
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	7.077.600.000	7.077.600.000	7.077.600.000	7.077.600.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	-	987.914.404	-	987.914.404
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	2.187.020.000	-	198.816.000	1.988.204.000
Nợ thuế tài chính đến hạn	2.187.020.000	-	198.816.000	1.988.204.000
- Ủy ban Nhân dân Xã Phù Mỹ	-	-	-	-
Cộng	230.233.512.565	621.311.973.672	662.186.327.243	189.359.158.994

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

Tầng 5, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Số 02 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	31.240.151.921	19.144.579.298	11.011.059.965	39.373.671.254
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (a)	6.456.354.940	7.289.606.450	3.933.459.965	9.812.501.425
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	24.783.796.981	-	7.077.600.000	17.706.196.981
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	-	11.854.972.848	-	11.854.972.848
Nợ thuế tài chính	2.187.020.000	-	198.816.000	1.988.204.000
- Ủy ban Nhân dân Xã Phù Mỹ (c)	2.187.020.000	-	198.816.000	1.988.204.000
Cộng	33.427.171.921	19.144.579.298	11.209.875.965	41.361.875.254
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	10.171.083.091			12.469.151.833
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN DN	3.093.483.091			4.403.637.429
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	7.077.600.000			7.077.600.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đà Nẵng	2.187.020.000			987.914.404
- Nợ thuế tài chính đến hạn				1.988.204.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	21.069.068.830			26.904.519.421

Trang 29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có các hợp đồng vay dài hạn như sau:

a) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng số 34498.22.301.50297.TD ngày 04/10/2022 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; hàng tồn kho; công trình xây dựng trên đất là nhà xưởng giai đoạn II tại Xã Phù Mỹ, Tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thuê đất số 78-2005/HĐ_TĐ ngày 22/05/2005 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty Sản xuất XNK dệt may Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 153857.23.301.50297.TD ngày 31/08/2023 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 258220.24.301.50297.TD ngày 29/11/2024 để mua máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo hợp đồng sau:

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng vay số 01/2019-HĐCVĐAT/NHCT480 ngày 17/06/2019 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 03/2021 ngày 16/04/2021 với thời hạn vay 108 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư Nhà máy May Nghĩa Hành. Lãi suất cho vay: thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản cố định hình thành từ dự án và quyền đòi nợ luân chuyển dưới hình thức các khoản phải thu của Bên thế chấp và toàn bộ hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 5 tỷ đồng (gồm hàng trong kho, hàng ngoài kho, hàng mua đang đi đường, hàng được ký gởi tại các đại lý...).

c) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng hợp đồng sau:

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 03/2024/TĐH/VCB-KHDN ngày 26/02/2024 để tài trợ nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án “ Mở rộng nhà máy may Phù Mỹ”. Số tiền cho vay tối đa là 31.000.000.000 đồng; Thời gian cho vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và nhà trụ ở tại 53 Trưng Nữ Vương, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, công trình xây dựng trên đất là Nhà máy May Phù Mỹ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 54, QL1A, thôn Trà Quang Nam, Xã Phù Mỹ, Tỉnh Gia Lai, tài sản được hình thành trong tương lai là công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng nhà máy may Phù Mỹ

d) Thuê tài chính với Ủy ban Nhân dân Xã Phù Mỹ theo Hợp đồng số 01/VH/2010/HĐTD ngày 25/06/2010 về thuê nhà xưởng, vật kiến trúc. Thời hạn thuê là 15 năm kể từ thời điểm nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho thuê 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.019.999.998	5.195.236.400
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.019.999.998	5.195.236.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***25. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	L.N sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	31.429.100.000	1.488.800.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.890.428.769	(1.349.318.465)	72.781.940.320
Tăng trong năm	1.560.000.000	-	-	-	-	-	1.560.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.799.681.853	-	5.799.681.853
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.375.603.958)	(3.375.603.958)
Giảm trong năm	-	65.600.000	-	-	6.261.460.000	-	6.327.060.000
Số dư tại 31/12/2024	32.989.100.000	1.423.200.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.428.650.622	(4.724.922.423)	70.438.958.215
Số dư tại 01/01/2025	32.989.100.000	1.423.200.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.428.650.622	(4.724.922.423)	70.438.958.215
Tăng trong năm	-	-	-	897.020.350	-	-	897.020.350
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	12.117.858.489	-	12.117.858.489
Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	247.899.330	247.899.330
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.367.500.700	-	8.367.500.700
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(660.711.647)	160.711.647	(500.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	32.989.100.000	1.423.200.000	(182.700.000)	22.402.650.366	22.518.296.764	(4.316.311.446)	74.834.235.684

Trung 32

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

Tầng 5, Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng,

Số 02 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***b. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.298.910	3.298.910
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.298.910	3.298.910
- Cổ phiếu phổ thông	3.298.910	3.298.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	12.180	12.180
- Cổ phiếu phổ thông	12.180	12.180
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.730	3.286.730
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.730	3.286.730
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	19.428.650.622	19.890.428.769
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.117.858.489	5.799.681.853
Điều chỉnh do hợp nhất (khi mua thêm cổ phần công ty con)	(660.711.647)	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.367.500.700	6.261.460.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	897.020.350	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	897.020.350	-
- Trả cổ tức	6.573.460.000	6.261.460.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	22.518.296.764	19.428.650.622

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2025.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 19/06/2025 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương ứng 6.573.460.000 đồng). Công ty đã chốt quyền nhận cổ tức này vào ngày 24/07/2025 và ngày thực hiện chi trả là 11/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2025	01/01/2025
Nguyên vật liệu nhận giữ hộ gia công	118.176.124.288	65.034.734.205

b. Ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.211.289,32	1.459.235,01
- EUR	228,24	234,08

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán thành phẩm	788.171.208.957	704.452.629.916
Doanh thu các hoạt động khác	1.892.819.785	2.376.363.690
Cộng	790.064.028.742	706.828.993.606

28. Các khoản giảm trừ

	Năm 2025	Năm 2024
Giảm giá hàng bán	202.724.746	196.731.149
Cộng	202.724.746	196.731.149

29. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của thành phẩm đã bán	712.769.260.112	646.948.126.954
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	850.963.397	740.306.580
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.680.684.612)	3.482.110.237
Cộng	709.939.538.897	651.170.543.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.735.717	169.554.295
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.418.946.420	9.787.375.467
Cộng	8.143.682.137	9.956.929.762

31. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	9.459.056.208	11.062.025.049
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	5.500.117	54.428.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.839.394.319	4.280.712.988
Cộng	13.303.950.644	15.397.166.165

32. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí hàng xuất khẩu, vận chuyển	13.421.794.225	17.793.947.669
Tiền lương nhân viên bán hàng	18.031.247.482	7.585.889.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.024.751.068	9.061.877.414
Các khoản khác	1.083.351.792	703.825.441
Cộng	42.561.144.567	35.145.539.907

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	1.087.036.865	947.903.084
Tiền lương nhân viên quản lý	10.316.211.093	8.339.497.849
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.934.362.103	2.113.977.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.801.427.515	3.585.295.775
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	34.447.035	34.447.035
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	475.870.272	1.203.080.688
Các khoản khác	1.269.739.485	840.453.526
Cộng	18.919.094.368	17.064.655.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	400.340.000
Xử lý công nợ tồn lâu	-	3.903.162.738
Tiền phạt thu được	-	5.285.328
Các khoản khác	7.032.331	16.498.307
Cộng	7.032.331	4.325.286.373

34. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản bị phạt, nộp chậm thuế	219.446.848	108.371.632
Chi phí khác	64.337.063	3.515.690
Cộng	283.783.911	111.887.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.730.573.590	3.738.996.369
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	46.371.432	6.054.418.063
Điều chỉnh tăng	2.592.780.998	8.103.039.695
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	506.263.344	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	1.568.452.851	-
- Chi phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	146.666.668	146.666.668
- Các khoản CP không tính vào CP tính thuế	264.802.897	137.904.063
- Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng của xe ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi	106.595.238	116.285.714
- Lỗi tại Công ty con	-	6.888.987.669
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định về giao dịch liên kết	-	813.195.581
Điều chỉnh giảm	2.546.409.566	2.048.621.632
- Chuyển chi phí lãi vay không được trừ năm trước theo quy định về giao dịch liên kết (*)	1.096.524.062	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	-	1.568.385.264
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	-	480.236.368
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	(876.182.009)	(1.714.310.342)
- Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	1.726.067.513	1.714.310.342
Tổng thu nhập chịu thuế	14.776.945.022	9.793.414.432
Từ hoạt động ưu đãi	1.976.772.848	712.256.238
Từ hoạt động không ưu đãi	12.800.172.174	9.081.158.194
Chuyển lỗ (**)	247.151.675	-
Tổng thu nhập tính thuế	14.529.793.348	9.793.414.432
Từ hoạt động ưu đãi	1.976.772.848	712.256.238
Từ hoạt động không ưu đãi	12.553.020.500	9.081.158.194
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.708.281.383	1.887.457.262
Từ hoạt động ưu đãi	197.677.285	71.225.624
Từ hoạt động không ưu đãi	2.510.604.098	1.816.231.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	168.229.210	204.631.200
- Chi thêm cho lao động nữ	168.229.210	204.631.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	2.540.052.173	1.682.826.062
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.540.052.173	1.657.780.542
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	2.540.052.173	1.682.826.062
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(25.045.520)

(*) Xem thuyết minh số 36

(**) Xem thuyết minh số 37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Chuyển chi phí lãi vay

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Lãi vay được chuyển	Lãi vay đã chuyển trong các kỳ trước	Lãi vay chuyển kỳ này	Đã chuyển lãi vay đến 31/12/2025	Số lãi vay còn được chuyển
2020	2025	267.357.401	-	267.357.401	267.357.401	-
2021	2026	5.092.579.221	-	15.971.080	15.971.080	5.076.608.141
2022	2027	2.115.459.029	-	-	-	2.115.459.029
2023	2028	4.990.788.863	-	-	-	4.990.788.863
2024	2029	3.285.554.043	-	813.195.581	813.195.581	2.472.358.462
		15.751.738.557	-	1.096.524.062	1.096.524.062	14.655.214.495

37. Chuyển lỗ tại Công ty con

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển trong các kỳ trước	Chuyển lỗ kỳ này	Đã chuyển lỗ đến 31/12/2025	Số lỗ còn được chuyển
2020	2025	3.250.012.142	1.383.488.041	247.151.675	1.630.639.716	-
2021	2026	9.924.540.861	-	-	-	9.924.540.861
2023	2028	8.280.662.432	-	-	-	8.280.662.432
2024	2029	4.416.696.795	-	-	-	4.416.696.795
		25.871.912.230	1.383.488.041	247.151.675	1.630.639.716	22.621.900.088

38. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(175.236.402)	(342.862.068)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(175.236.402)	(342.862.068)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	12.117.858.489	5.799.681.853
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(897.020.350)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	897.020.350
LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.117.858.489	4.902.661.503
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.286.730	3.154.664
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.687	1.554

Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ và Nghị quyết Đại hội cổ đông không quy định. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định chia Quỹ khen thưởng phúc lợi của Đại hội cổ đông sau này.

40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.890.165.818	262.821.408.831
Chi phí nhân công	347.668.163.834	304.073.994.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.619.474.908	14.938.320.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.097.771.169	88.914.637.028
Chi phí khác bằng tiền	17.211.759.973	16.832.501.988
Cộng	767.487.335.702	687.580.863.768

41. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

42. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

		31/12/2025	01/01/2025
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	1.211.289,32	1.459.235,01
	EUR	228,24	234,08
Phải thu khách hàng	USD	5.359.042,40	4.728.793,28
Nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ	USD	4.295.206,71	5.280.751,66
Phải trả người bán	USD	580.012,51	462.430,85

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đôn đốc tình hình thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khách hàng ở nước ngoài, Công ty thường qui định phương thức thanh toán trong Hợp đồng là thanh toán bằng L/C. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty đã thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng, đồng thời tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	54.726.310.255	-	54.726.310.255
Chi phí phải trả	3.018.995.908	-	3.018.995.908
Vay và nợ thuê tài chính	189.359.158.994	26.904.519.421	216.263.678.415
Phải trả khác	1.717.669.008	10.000.000	1.727.669.008
Cộng	248.822.134.165	26.914.519.421	275.736.653.586
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.900.753.696	-	46.900.753.696
Chi phí phải trả	4.327.635.082	-	4.327.635.082
Vay và nợ thuê tài chính	230.233.512.565	21.069.068.830	251.302.581.395
Phải trả khác	2.044.915.991	10.000.000	2.054.915.991
Cộng	283.506.817.334	21.079.068.830	304.585.886.164

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.838.868.807	-	52.838.868.807
Đầu tư tài chính	-	172.894.507	172.894.507
Phải thu khách hàng	149.062.761.103	-	149.062.761.103
Phải thu khác	1.205.068.770	2.764.453.000	3.969.521.770
Cộng	203.106.698.680	2.937.347.507	206.044.046.187

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.108.620.611	-	42.108.620.611
Đầu tư tài chính	-	178.394.624	178.394.624
Phải thu khách hàng	149.187.776.061	-	149.187.776.061
Phải thu khác	170.724.073	2.460.493.000	2.631.217.073
Cộng	191.467.120.745	2.638.887.624	194.106.008.369

43. Cam kết thuê hoạt động

a. Thuê đất tại 25 Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng (nay là 25 Trần Quý Cáp, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng)

Công ty thuê đất tại số 25 Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng số 376/HĐ-TĐ ngày 07/03/2006, Phụ lục Hợp đồng thuê đất ngày 08/03/2012, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 32/PLHĐ ngày 20/05/2013 và số 376/PLHĐ-1 ngày 01/04/2016 được ký kết với UBND Thành phố Đà Nẵng cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 3.325,5 m²
- Thời hạn thuê: từ ngày 10/01/2006 đến hết ngày 31/12/2018.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng trụ sở và cơ sở sản xuất.
- Phương thức thanh toán: Trả tiền thuê đất hàng năm.
- Đơn giá thuê đất hàng năm là 18.480 đồng/m²/năm áp dụng cho năm 2008, tiền thuê đất ổn định trong 5 năm và điều chỉnh trong các năm tiếp theo. Đơn giá thuê đất năm 2025 là 336.889 đồng/m²/năm.
- Từ năm 2019 đến nay, Công ty không ký phụ lục gia hạn thời gian thuê nhưng vẫn hoạt động kinh doanh tại 25 Trần Quý Cáp, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Hàng năm Công ty nhận được các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế thành phố Đà Nẵng và đã nộp tiền đầy đủ. Kế hoạch trong năm 2026, Công ty sẽ tháo dỡ toàn bộ tài sản và bàn giao mặt bằng cho với UBND Thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Thuê văn phòng làm việc tại Tòa nhà PVcomBank Đà Nẵng, Số 02, Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

- Thời hạn thuê: 5 năm, từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030.
- Mục đích sử dụng: Làm văn phòng làm việc.
- Phương thức thanh toán: Thanh toán định kỳ 2 tháng 1 lần.
- Đơn giá thuê:
 - Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2027: 255.000 đồng/m²/tháng
 - Từ ngày 01/01/2028 đến ngày 31/12/2029: 272.850 đồng/m²/tháng
 - Từ ngày 01/01/2030 đến ngày 31/12/2030: 291.950 đồng/m²/tháng

c. Thuê đất tại Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định (nay là Xã Phù Mỹ, Tỉnh Gia Lai)

❖ Theo Hợp đồng thuê đất số 87-2003/HĐ-TĐ ngày 30/12/2003 và Hợp đồng thuê đất bổ sung số 208/HĐ-TĐBS ngày 28/05/2018 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định, Công ty thuê đất tại Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 11.500 m²
- Thời hạn thuê: từ ngày 24/12/2003 đến hết ngày 24/12/2033.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng Nhà máy May Phù Mỹ.
- Phương thức thanh toán: Trả tiền thuê đất hàng năm.
- Ưu đãi: Được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận đầu tư số 231/GCN - UB ngày 18/12/2004.
- Đơn giá thuê đất: 6.000 đồng/m²/năm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021 sau đó sẽ điều chỉnh giá đất theo quy định. Đơn giá thuê đất năm 2025 là 10.028 đồng/m².

❖ Theo Hợp đồng thuê đất số 78-2025/HĐ-TĐ ngày 22/08/2005, Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 về việc điều chỉnh diện tích đất cho thuê và các Hợp đồng thuê đất bổ sung số 34/HĐ-TĐBS ngày 16/03/2017, số 209/HĐ-TĐBS ngày 28/05/2018 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định như sau:

- Diện tích thuê: 7.147,5 m²
- Thời hạn thuê: từ ngày 17/08/2005 đến hết ngày 24/12/2033.
- Mục đích sử dụng: Mở rộng Nhà máy May Phù Mỹ.
- Phương thức thanh toán: Trả tiền thuê đất hàng năm.
- Ưu đãi: Được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận đầu tư số 231/GCN - UB ngày 18/12/2004.
- Đơn giá thuê đất: 5.280 đồng/m²/năm từ ngày 01/09/2018 đến ngày 31/08/2023 sau đó sẽ điều chỉnh giá đất theo quy định. Đơn giá thuê đất năm 2025 là 11.136 đồng/m².

❖ Theo Hợp đồng thuê đất số 94/HĐ-TĐ ngày 31/05/2022 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 16.253,61 m²
- Thời hạn thuê: từ ngày 13/12/2021 đến hết ngày 24/12/2033.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Mục đích sử dụng: Mở rộng Nhà máy May Phù Mỹ.
- Phương thức thanh toán: Trả tiền thuê đất hàng năm.
- Ưu đãi: Được miễn thuế từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2032 theo Quyết định số 424/QĐ-CTBDI ngày 09/05/2022 của Cục thuế Tỉnh Bình Định.
- Đơn giá thuê đất hàng năm là 10.329 đồng/ m²/năm, áp dụng ổn định từ ngày 13/12/2021 đến ngày 12/12/2026. Khi hết thời gian ổn định, đơn giá thuê đất sẽ được điều chỉnh theo quy định.

d. Thuê đất tại Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi (nay là Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi)

Theo Hợp đồng thuê đất số 124/HĐTD ngày 31/08/2016 được ký kết với UBND tỉnh Quảng Ngãi, Công ty thuê đất tại Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 29.155,3 m²
- Thời hạn thuê: Từ ngày 01/10/2006 đến hết ngày 04/03/2054.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng Nhà máy May Dung Quốc.
- Phương thức thanh toán: Trả tiền thuê đất hàng năm.
- Ưu đãi: Công ty thực hiện miễn tiền thuê đất theo thông báo số 1269/QĐ-CT ngày 31/10/2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể: Đối với phần diện tích 17.143 m² thời gian miễn thuế từ ngày 01/10/2006 đến hết ngày 04/03/2054; Đối với phần diện tích 12.012,3 thời gian miễn thuế từ 01/05/2017 đến ngày 04/03/2054.

e. Thuê nhà xưởng tại Lô 40 - 41 Đường số 2, Khu Công nghiệp An Đồn, Thành phố Đà Nẵng

Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2022/HĐTNX/VLLV-VĐN ngày 01/07/2022 và Phụ lục hợp đồng đi kèm ngày 25/06/2025 với Công ty TNHH Valley View Việt Nam Industrial, Công ty thuê toàn bộ nhà xưởng có diện tích 11.130,7 m² tại Lô 40 - 41 Đường số 2, Khu Công nghiệp An Đồn, Thành phố Đà Nẵng:

- Thời hạn thuê: Từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/09/2028.
- Mục đích sử dụng: Làm nhà xưởng sản xuất của Nhà máy May An Đồn.
- Phương thức thanh toán: Thanh toán tiền thuê 3 tháng một lần.
- Đơn giá thuê: 556.535.000 đồng /tháng. Kể từ ngày 01/04/2027, giá thuê sẽ được điều chỉnh tăng thêm 7%/tháng.

f. Thuê đất tại Cụm CN Đồng Dinh, Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTD ngày 19/04/2019. Cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 40.139 m²;
- Thời gian thuê: 49 năm kể từ ngày 19/03/2019;
- Mục đích thuê: Xây dựng nhà máy may Nghĩa Hành;
- Giá tiền thuê: 788 đồng/ m²/năm, đơn giá ổn định trong 5 năm, kể từ ngày 19/03/2019;
- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê hàng năm.

Theo Quyết định số 932/QĐ-CT ngày 05/06/2019 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được miễn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản cho giai đoạn từ ngày 13/05/2019 đến ngày 19/03/2022. Số tiền miễn: 90.274.151 đồng. Ngoài ra, Công ty được miễn theo pháp luật ưu đãi đầu tư, thời hạn miễn là 7 năm (từ ngày 20/03/2022 đến ngày 20/03/2029) với số tiền miễn: 221.406.724 đồng.

44. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền nam - Vinatex	Chung công ty Đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Nhận cổ tức	600.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền nam - Vinatex	Bán hàng	13.113.975.420	-

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Nhận cổ tức	600.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền nam - Vinatex	Bán hàng	13.113.975.420	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

d. Chi phí thù lao và thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ		Năm 2025	Năm 2024
Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
		Thưởng	520.000.000	330.000.000
Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Lương, thưởng	1.251.321.151	975.052.549
Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Lương, thưởng	1.458.766.472	1.111.800.352
Ông Phạm Vũ Bằng	Thư ký HĐQT Giám đốc điều Hành	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
		Lương, thưởng	863.820.291	684.431.024
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Thưởng	50.000.000	50.000.000
Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Thưởng	50.000.000	-
Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm Soát	Thù lao BKS	60.000.000	60.000.000
		Thưởng	50.500.000	50.000.000
Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
		Thưởng	74.000.000	51.000.000
Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	36.000.000	36.000.000
		Thưởng	24.500.000	30.000.000
Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	788.732.776	584.649.362
		Kế toán trưởng	811.287.790	598.830.177
Bà Lê Đình Bích Hợp		Lương, thưởng	815.695.038	590.122.985
Ông Nguyễn Thành An	Giám Đốc Điều Hành	Lương, thưởng		

45. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

46. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



Thành phố Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

HỒ HAI